

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Độc C1.2**

Mã học phần: **FL209**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **001138 - Nguyễn Minh Thành**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **7g20**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **EP24V1X3**

Phòng thi: **103**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                        | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC24V1X949 | NGUYỄN ÁNH PHÚC                  | EP24V1X3 | 19/01/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC24V1X950 | NGUYỄN VIỆT TUYẾT<br>QUYÊN CHIỀU | EP24V1X3 | 16/06/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC24V1X952 | LÝ CHÂU GIA KHANG                | EP24V1X3 | 25/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC24V1X955 | PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG               | EP24V1X3 | 16/09/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC24V1X956 | VÕ HUỖNH ANH                     | EP24V1X3 | 28/02/2003 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 5 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Độc phát triển kỹ năng phản biện**

Mã học phần: **FL211**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **000201 - Huỳnh Trọng Nghĩa**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **7g20**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **EC25V1X1**

Phòng thi: **103**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | BL25V1X201 | NGUYỄN TÚ ANH            | EC25V1X1 | 19/11/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC25V1X204 | NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG     | EC25V1X1 | 20/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC25V1X214 | NGÔ TRIỆU DIỄM HUYỀN     | EC25V1X1 | 20/02/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC25V1X221 | NGUYỄN THỊ PHUƠNG LIỀN   | EC25V1X1 | 03/02/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC25V1X223 | HUỲNH THỊ LƯ             | EC25V1X1 | 17/09/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC25V1X226 | ĐỖ CHÍ NAM               | EC25V1X1 | 24/12/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC25V1X231 | DƯƠNG THỊ YẾN NHI        | EC25V1X1 | 17/02/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC25V1X241 | NGUYỄN ĐIỂN NGUYỆT THANH | EC25V1X1 | 24/10/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC25V1X249 | TRẦN NGUYỄN MINH THƯ     | EC25V1X1 | 27/04/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC25V1X255 | LÊ NGUYỄN NGỌC TRÂN      | EC25V1X1 | 05/07/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC25V1X261 | SON NGỌC UYÊN            | EC25V1X1 | 22/11/1996 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 11 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Đọc phát triển kỹ năng phản biện**

Mã học phần: **FL211**

Nhóm: **3E02**

CBGD: **000201 - Huỳnh Trọng Nghĩa**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **7g20**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED24V1X9**

Phòng thi: **106**

Trang 1/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC23V1X800 | HUỲNH THỊ KIM CƯỜNG    | ED23V1X3 | 20/12/1997 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC24V1X047 | VŨ THỦY DƯƠNG          | ED24V1X9 | 11/10/1982 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC24V1X821 | TRƯƠNG THỊ BÍCH LIÊN   | ED24V1X9 | 08/01/1982 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC24V1X822 | NGUYỄN THỊ KIM HÀ      | ED24V1X9 | 10/06/1982 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC24V1X959 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGHI | ED24V1X9 | 23/06/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC24V1X961 | PHẠM DIỄM MY           | ED24V1X9 | 18/11/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC24V1X963 | BÙI KIM TRANG          | ED24V1X9 | 19/09/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC24V1X964 | NGUYỄN HUỆ NHÀN        | ED24V1X9 | 20/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC24V1X965 | DƯƠNG TRỌNG TÍN        | ED24V1X9 | 09/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC24V1X967 | NGUYỄN NGỌC HÂN        | ED24V1X9 | 20/12/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC24V1X968 | VÕ NHƯ QUỲNH           | ED24V1X9 | 04/12/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC24V1X969 | LÊ QUỐC TRỰC           | ED24V1X9 | 19/03/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC24V1X970 | ĐOÀN THỊ THUY HIỀN     | ED24V1X9 | 18/11/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC24V1X971 | NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC   | ED24V1X9 | 27/02/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC24V1X972 | NGUYỄN THỊ CẨM TÚ      | ED24V1X9 | 07/07/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC24V1X974 | NGUYỄN QUỐC HUY        | ED24V1X9 | 21/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC24V1X977 | PHẠM PHƯỚC TOÀN        | ED24V1X9 | 18/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC24V1X979 | DƯƠNG HOÀI GIAO HÀ     | ED24V1X9 | 11/08/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC24V1X981 | PHAN THỊ XA ĐÉT HAI    | ED24V1X9 | 03/09/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC24V1X982 | TRƯƠNG THẢO NGỌC       | ED24V1X9 | 25/02/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC24V1X983 | LÊ THỊ CẨM EM          | ED24V1X9 | 09/08/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC24V1X984 | TRẦN THỊ DIỄM HẰNG     | ED24V1X9 | 06/05/1991 |             |              |              |           | CT      |        |
| 23  | DC24V1X985 | NGUYỄN THỊ BÍCH THIỆN  | ED24V1X9 | 15/04/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC24V1X987 | HUỲNH LÊ XUÂN ÁI       | ED24V1X9 | 14/11/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | DC24V1X988 | LÊ ĐỨC LƯU             | ED24V1X9 | 23/10/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 26  | DC24V1X989 | MAI THỊ THANH TRÚC     | ED24V1X9 | 15/03/1985 |             |              |              |           | CT      |        |
| 27  | DC24V1X990 | NGÔ CHỈ QUANG          | ED24V1X9 | 11/12/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 28  | DC24V1X993 | TRẦN MỸ NGỌC           | ED24V1X9 | 21/12/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 29  | DC24V1X995 | PHẠM THỊ BÍCH          | ED24V1X9 | 10/04/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 30  | DC24V1X997 | HÀ THỊ THỦY DƯƠNG      | ED24V1X9 | 05/12/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 31  | DC24V1X998 | NGUYỄN VĂN NHẤT NAM    | ED24V1X9 | 10/11/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 32  | DC24V1X999 | LÂM THỊ QUỲNH NHƯ      | ED24V1X9 | 10/05/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 33  | FL24V1X901 | NGUYỄN THANH THẢO      | ED24V1X9 | 06/06/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 34  | FL24V1X902 | TRẦN THỊ THOẠI MỸ      | ED24V1X9 | 23/07/1998 |             |              |              |           |         |        |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Độc phát triển kỹ năng phản biện**

Mã học phần: **FL211**

Nhóm: **3E02**

CBGD: **000201 - Huỳnh Trọng Nghĩa**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **7g20**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED24V1X9**

Phòng thi: **106**

Trang 2/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên                  | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 35  | FL24V1X903 | LỮ THIÊN PHÚC              | ED24V1X9 | 25/02/1986 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 36  | FL24V1X905 | MAI NGỌC THUY NHÂN         | ED24V1X9 | 21/01/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 37  | FL24V1X906 | ĐINH THY VÂN ANH           | ED24V1X9 | 29/05/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 38  | FL24V1X907 | PHẠM PHƯƠNG HIẾU           | ED24V1X9 | 11/06/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 39  | FL24V1X911 | PHẠM LÊ HUYỀN TRANG        | ED24V1X9 | 28/03/1990 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 40  | FL24V1X914 | PHẠM THỊ KIM NGÂN          | ED24V1X9 | 02/07/1990 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 41  | FL24V1X915 | ĐỖ THU UYÊN                | ED24V1X9 | 20/08/1993 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 42  | FL24V1X916 | NGUYỄN THỊ MINH NGỌC       | ED24V1X9 | 15/10/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 43  | FL24V1X918 | HUỲNH MINH TÍNH            | ED24V1X9 | 06/06/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 44  | FL24V1X920 | HỒ NHỰT MINH               | ED24V1X9 | 13/08/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 45  | FL24V1X921 | TRẦN HẢI THIÊN             | ED24V1X9 | 27/03/1998 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 46  | FL24V1X922 | VÕ THỊ QUẾ ANH             | ED24V1X9 | 30/05/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 47  | FL24V1X923 | NGUYỄN THỊ TRÀ MY          | ED24V1X9 | 05/09/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 48  | FL24V1X926 | NGUYỄN THỊ HẬU             | ED24V1X9 | 09/04/1998 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 49  | FL24V1X928 | LÊ THỊ CẨM HẰNG            | ED24V1X9 | 20/09/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 50  | FL24V1X931 | NGUYỄN QUÁCH NGỌC<br>TUYỀN | ED24V1X9 | 27/08/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 51  | FL24V1X932 | PHẠM LÊ HUYỀN TRÂN         | ED24V1X9 | 01/12/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 52  | FL24V1X933 | ĐỖ NGỌC HOÀI THƯƠNG        | ED24V1X9 | 21/11/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 53  | FL24V1X934 | NGUYỄN THỊ MINH LÝ         | ED24V1X9 | 29/10/1988 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 54  | FL24V1X935 | LÂM THỊ DIỄU               | ED24V1X9 | 09/03/1986 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 55  | FL24V1X936 | THẠCH NGÔ NGUYỆT MINH      | ED24V1X9 | 04/11/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 56  | FL24V1X937 | VÕ THÀNH THÁI              | ED24V1X9 | 01/08/1983 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 57  | FL24V1X940 | NGUYỄN NHỰT BẰNG           | ED24V1X9 | 11/02/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 58  | FL24V1X941 | LÂM TRANG HOÀNG<br>THANH   | ED24V1X9 | 19/09/1986 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 59  | FL24V1X942 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN      | ED24V1X9 | 15/03/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |

*Tổng số: 59 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Độc phát triển kỹ năng phản biện**

Mã học phần: **FL211**

Nhóm: **3E03**

CBGD: **000201 - Huỳnh Trọng Nghĩa**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **7g20**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED24V1XX**

Phòng thi: **108**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên          | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC24V1X648 | TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ | ED24V1X4 | 21/08/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | FL24V1X955 | NGUYỄN THỊ MAI ANH | ED24V1XX | 06/11/1993 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 2 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Đọc phát triển kỹ năng phản biện**

Mã học phần: **FL211**

Nhóm: **3E04**

CBGD: **000201 - Huỳnh Trọng Nghĩa**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **7g20**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **EP24V1X2**

Phòng thi: **103**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú    | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|------------|--------|
| 1   | DC24V1X003 | NGUYỄN LÊ QUỐC ANH    | EP24V1X2 | 09/09/2005 |             |              |              |           |            |        |
| 2   | DC24V1X052 | NGUYỄN ĐĂNG KHA       | EP24V1X2 | 12/01/2003 |             |              |              |           |            |        |
| 3   | DC24V1X058 | HỒ QUANG NGUYỄN       | EP24V1X2 | 09/10/1997 |             |              |              |           |            |        |
| 4   | DC24V1X059 | SƠN THANH NHÂN        | EP24V1X2 | 22/12/1985 |             |              |              |           | CT         |        |
| 5   | DC24V1X061 | NGUYỄN SONG PHƯƠNG    | EP24V1X2 | 08/12/1997 |             |              |              |           |            |        |
| 6   | DC24V1X065 | TRÌNH THỊ THANH THI   | EP24V1X2 | 15/01/2005 |             |              |              |           |            |        |
| 7   | DC24V1X069 | ĐOÀN NGUYỄN DIỄM TIỀN | EP24V1X2 | 22/03/1995 |             |              |              |           |            |        |
| 8   | DC24V1X075 | MAI HUỲNH THIÊN NGỌC  | EP24V1X2 | 04/05/2005 |             |              |              |           |            |        |
| 9   | DC24V1X082 | HUỲNH NGÔ NGỌC THẢO   | ET24V1X2 | 22/07/2003 |             |              |              |           |            |        |
| 10  | DC24V1X085 | PHAN LÊ MINH TRÚC     | ET24V1X2 | 18/03/1993 |             |              |              |           |            |        |
| 11  | DC24V1X394 | LA THÚY VY            | EP24V1X2 | 09/11/2005 |             |              |              |           | I Hoãn thi |        |
| 12  | DC24V1X396 | LUU THỊ TƯỜNG VY      | ET24V1X2 | 21/06/2003 |             |              |              |           | CT         |        |
| 13  | DC24V1X818 | TRẦN HOÀNG KHẢI       | EP24V1X2 | 09/01/1991 |             |              |              |           | CT         |        |
| 14  | DC24V1X820 | NGUYỄN THỊ HUỲNH LIÊN | EP24V1X2 | 02/11/1999 |             |              |              |           |            |        |

Tổng số: 14 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Pháp luật tố tụng dân sự**  
CBGD: **002285 - Trần Khắc Qui**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **7g20**  
Lớp: **ED2432X4**

Mã học phần: **KL227** Nhóm: **3E01**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **102**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên         | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2432X783 | NGUYỄN QUỐC THÁI  | EP2432X4 | 18/08/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2432X908 | TRẦN HOÀNG ANH    | ED2432X4 | 23/08/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2432X910 | TRẦN QUỐC ANH     | ED2432X4 | 04/03/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2432X930 | VÕ TRẦN ĐĂNG KHOA | ED2432X4 | 13/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2432X933 | CAO PHI YẾN LINH  | ED2432X4 | 23/09/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2432X939 | VÕ THỊ THU MỸ     | ED2432X4 | 28/08/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2432X941 | LÊ HOÀNG NAM      | ED2432X4 | 01/01/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2432X945 | DƯƠNG HẠNH NGUYỄN | ED2432X4 | 25/06/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2432X973 | LƯU HẠO VÂN       | ED2432X4 | 07/01/2001 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 9 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi



DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Pháp luật về thanh tra**  
CBGD: **002388 - Lâm Bá Khánh Toàn**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **7g20**  
Lớp: **ED2532X1**

Mã học phần: **KL365** Nhóm: **3E01**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **104**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | CT2532X377 | HÀ LÂM KỶ DUNG NỮ      | ED2532X1 | 04/06/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2332X012 | NGUYỄN VĂN KHA         | ET2332X1 | 25/02/1989 |             |              |              |           | CT      |        |
| 3   | DC2532X001 | DANH HUỖNH ANH         | EP2532X1 | 24/03/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2532X016 | NGUYỄN TRỌNG HIẾU      | EP2532X1 | 22/05/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2532X036 | PHẠM THỊ THANH MAI     | EP2532X1 | 05/11/1977 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2532X043 | TRẦN BÍCH PHƯƠNG       | EP2532X1 | 10/06/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2532X045 | LÊ ANH QUÍ             | EP2532X1 | 12/06/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2532X055 | TRẦN PHÚC THỊNH        | EP2532X1 | 19/04/2006 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2532X304 | LÊ GIA BẢO             | ED2532X1 | 25/06/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2532X308 | TỔNG THỊ BÍCH DIỄM     | ED2532X1 | 04/01/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2532X316 | NGUYỄN TIẾN ĐẠT        | ED2532X1 | 01/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2532X330 | TRẦN THANH HIỀN        | ED2532X1 | 15/09/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2532X355 | LẠI TÀI MY             | ED2532X1 | 25/09/1994 |             |              |              |           | CT      |        |
| 14  | DC2532X356 | LÂM THỊ KIM NGÂN       | ED2532X1 | 16/05/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2532X358 | NGUYỄN NGỌC NGÂN       | ED2532X1 | 12/06/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2532X363 | NGUYỄN BẢO NGỌC        | ED2532X1 | 25/05/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2532X371 | VÕ NGỌC NHI            | ED2532X1 | 26/09/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2532X372 | LÊ HUỖNH KHÁNH NHƯ     | ED2532X1 | 02/12/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2532X394 | NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC QUẾ | ED2532X1 | 27/06/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2532X399 | MAI HUỖNH SƯƠNG        | ED2532X1 | 06/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2532X405 | NGUYỄN HỨA KIM THẢO    | ED2532X1 | 04/04/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2532X406 | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO     | ED2532X1 | 07/09/1992 |             |              |              |           | CT      |        |
| 23  | DC2532X408 | TRẦN ĐẮC THẮNG         | ED2532X1 | 04/05/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC2532X416 | PHAN THỊ CẨM TIỀN      | ED2532X1 | 21/06/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | DC2532X417 | TRẦN HẠNH TIỀN         | ED2532X1 | 16/03/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 26  | DC2532X426 | LÂM NGỌC TRÂN          | ED2532X1 | 20/05/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 27  | DC2532X430 | NGUYỄN THỊ THANH TRÚC  | ED2532X1 | 17/06/1987 |             |              |              |           | CT      |        |
| 28  | DC2532X436 | PHẠM PHONG VÂN         | ED2532X1 | 08/03/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 29  | DC2532X440 | TRẦN THỊ LAN VY        | ED2532X1 | 09/09/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 30  | LK2232X350 | TRẦN THỊ BÍCH NGỌC     | ED2532X1 | 11/05/1999 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 30 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Nghệp vụ bảo hiểm**  
CBGD: **001876 - Trương Thị Bích Liên**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **7g20**  
Lớp: **ET2521X1**

Mã học phần: **KT140**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **104**

Nhóm: **3E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2521X100 | TRẦN NHẬT CUỒNG       | ET2521X1 | 21/10/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2521X110 | ĐỖ THỊ XUYỀN          | ET2521X1 | 26/07/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2521X302 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH     | ED2521X1 | 10/05/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2521X304 | TRIỆU THÙY DUNG       | ED2521X1 | 25/12/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2521X312 | VÕ ĐĂNG KHOA          | ED2521X1 | 05/12/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2521X327 | NGUYỄN THỊ ĐOAN TRANG | ED2521X1 | 21/01/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2521X338 | LÝ KIM Ý              | ED2521X1 | 20/02/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | NS2521X103 | LÊ THỊ HỒNG HUỆ       | ET2521X1 | 04/09/2004 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 8 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Phân tích báo cáo tài chính**

Mã học phần: **KT222**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **002593 - Đinh Thị Ngọc Hương**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **7g20**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **EC2520X2**

Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2420X504 | PHAN PHƯƠNG YẾN NHI  | EP2420X3 | 27/08/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2420X506 | LÊ HOÀNG OANH        | EP2420X3 | 17/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2420X823 | TRẦN MINH THÀNH      | ED2420X3 | 08/06/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2520X310 | DƯƠNG THỊ MỸ LOAN    | ED2520X1 | 01/03/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2520X623 | LÊ THỊ HỒNG LINH     | EC2520X2 | 13/09/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2520X624 | TÔ ĐỖ THANH LOAN     | EC2520X2 | 04/09/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2520X626 | CAO THỊ CHÚC LY      | EC2520X2 | 24/07/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2520X627 | ĐÀO HOÀNG MAI        | EC2520X2 | 27/05/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2520X635 | LÝ THU THẢO          | EC2520X2 | 30/01/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2520X636 | NGUYỄN LÊ THU THẢO   | EC2520X2 | 10/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2520X639 | NGUYỄN HOÀNG THẮNG   | EC2520X2 | 28/10/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2520X640 | LÊ THỊ MỸ THIỆN      | EC2520X2 | 27/12/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2520X644 | TẠ HOÀNG PHƯƠNG TRÂM | EC2520X2 | 23/11/1992 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 13 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Seminar quản trị kinh doanh

Mã học phần: KT288

Nhóm: 3E01

CBGD: 001280 - Lê Tấn Nghiêm

Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 7g20

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: ED2522X2

Phòng thi: 102

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | DC2422X405 | NGUYỄN ĐĂNG KIỀU DIỄM | EP2422X3 | 07/02/2006 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 2   | DC2422X425 | NGŨ THIÊN NHI         | EP2422X3 | 28/06/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 3   | DC2422X436 | NGUYỄN XUÂN THẢO      | EP2422X3 | 29/05/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 4   | DC2422X442 | HỒ HUỲNH TRANG        | EP2422X3 | 12/08/2005 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 5   | DC2422X445 | NGUYỄN HỮU TRÍ        | EP2422X3 | 05/07/1998 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 6   | DC2422X447 | VŨ PHẠM VÂN TRƯỜNG    | EP2422X3 | 23/11/1991 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 7   | DC2422X505 | LÊ MỘNG NGHI          | ET2422X3 | 01/03/1998 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 8   | DC2422X516 | NGUYỄN QUỐC BẢO       | ET2422X3 | 02/11/1991 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 9   | DC2422X701 | ĐẶNG CHÍ BÌNH         | ED2422X3 | 30/03/2000 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 10  | DC2422X703 | TRƯỜNG LÊ TIẾN ĐẠT    | ED2422X3 | 18/12/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 11  | DC2422X711 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN   | ED2422X3 | 18/09/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 12  | DC2422X712 | PHAN KIM NGÂN         | ED2422X3 | 03/10/2000 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 13  | DC2422X722 | TRẦN MINH TẤN         | ED2422X3 | 06/04/1997 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 14  | DC2422X727 | PHẠM THỊ MINH THU     | ED2422X3 | 07/11/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 15  | DC2422X730 | LÊ VĂN TRƯỜNG         | ED2422X3 | 13/01/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 16  | DC2422X732 | ĐẶNG DIỄM TƯỜNG       | ED2422X3 | 20/10/1990 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 17  | DC2422X733 | CAO PHƯƠNG UYÊN       | ED2422X3 | 07/09/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 18  | DC2522X301 | PHAN THÀNH ĐẠT        | ED2522X1 | 08/01/1990 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 19  | DC2522X602 | LƯƠNG NGỌC HẢI        | EC2522X2 | 22/04/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 20  | DC2522X608 | HUỲNH THỊ YẾN NGỌC    | EC2522X2 | 24/10/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 21  | DC2522X609 | NGUYỄN XUÂN NGUYỄN    | EC2522X2 | 16/04/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 22  | DC2522X611 | TRẦN THỊ HUỲNH NHƯ    | EC2522X2 | 24/10/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 23  | DC2522X612 | NGUYỄN HỒNG PHÚC      | EC2522X2 | 10/06/1993 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 24  | DC2522X617 | HOA ANH THU           | EC2522X2 | 02/04/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 25  | DC2522X621 | TRẦN BÌNH TƯỜNG       | EC2522X2 | 01/06/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 26  | DC2522X713 | TRẦN GIA THỊNH        | ED2522X2 | 26/03/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |

*Tổng số: 26 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Bệnh dinh dưỡng**  
CBGD: **002699 - Vũ Ngọc Minh Thư**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **7g20**  
Lớp: **ED2467X3**

Mã học phần: **NN304**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **105**

Nhóm: **3E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2467X500 | THÁI CÔNG DANH      | EP2467X3 | 07/12/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2467X502 | NGUYỄN VĂN THÁI     | EP2467X3 | 15/10/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2467X608 | NGUYỄN VĂN BIÊN     | ED2467X3 | 29/09/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 4   | DC2467X619 | NGUYỄN VĂN KHÁNH    | ED2467X3 | 05/02/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2467X622 | TRẦN GIA TIẾN       | ED2467X3 | 19/11/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2467X626 | TRẦN NGUYỄN GIA HÂN | ED2467X3 | 13/11/2000 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 6 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Cổ đại**  
CBGD: **002416 - Nguyễn Chí Cương**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **7g20**  
Lớp: **ED2573X2**

Mã học phần: **NN414**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **105**

Nhóm: **3E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | DC2573X015 | CHÂU THỊ NHƯ Ý       | EC2573X2 | 26/10/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 2   | DC2573X102 | LÊ HÒA HÙNG          | ED2573X2 | 02/01/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 3   | DC2573X111 | TRẦN NGUYỄN NGỌC ANH | ED2573X2 | 03/02/1998 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 4   | DC2573X117 | UNG PHI HỌC          | ED2573X2 | 30/11/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 5   | DC2573X118 | ĐỖ VĂN HỘI           | ED2573X2 | 01/01/1995 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 6   | DC2573X119 | ĐẶNG ĐÌNH HUY        | ED2573X2 | 28/03/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 7   | DC2573X125 | VÕ PHÚC LÊ           | ED2573X2 | 08/09/1978 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 8   | DC2573X126 | LÊ THỊ THẢO NGÂN     | ED2573X2 | 20/02/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 9   | DC2573X134 | NGUYỄN THỊ CẨM THI   | ED2573X2 | 15/05/1987 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 10  | DC2573X136 | NGUYỄN MINH THƯƠNG   | ED2573X2 | 19/04/1990 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 11  | NS2573X113 | ĐOÀN THỊ DIỄM        | ED2573X2 | 17/12/1982 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 12  | ST2573X104 | LÂM MINH NGHĨA       | ED2573X2 | 03/01/1992 |                   |                    |                    |              | CT         |        |

Tổng số: 12 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi



DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Anh văn căn bản 3 (\*)

Mã học phần: XH025

Nhóm: 3E01

CBGD: 001611 - Lê Xuân Mai

Số tín chỉ: 3

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 7g20

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: EP2220X1

Phòng thi: 101

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | DC2367X007 | VÕ ÁNH PHƯƠNG        | EP2367X1 | 04/04/1989 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 2   | DC2420X354 | NGUYỄN THỊ VÂN THANH | ED2420X1 | 30/12/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 3   | DC2420X360 | NGUYỄN HIỀN TRUNG    | ED2420X1 | 05/05/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 4   | DC2420X709 | DƯƠNG THỊ MỸ DUYÊN   | EC2420X3 | 28/04/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 5   | DC2420X710 | NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN  | EC2420X3 | 20/12/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 6   | DC2420X712 | ĐINH TIẾN ĐỨC        | EC2420X3 | 28/04/1991 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 7   | DC2420X719 | NGUYỄN THANH NGHIỆP  | EC2420X3 | 23/12/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 8   | DC2420X737 | NGUYỄN THU THẢO      | EC2420X3 | 12/06/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 9   | DC2422X003 | TRẦN LÊ NHỰT ANH     | EP2422X1 | 28/06/2003 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 10  | DC2422X008 | NGUYỄN THỊ THÚY DUY  | EP2422X1 | 09/05/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 11  | DC2422X012 | NGUYỄN TRỌNG HIẾU    | EP2422X1 | 15/12/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 12  | DC2422X014 | PHÙNG THỊ KIM LIÊN   | EP2422X1 | 12/09/1979 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 13  | DC2422X023 | ĐUỜNG THỊ MINH THƯ   | EP2422X1 | 09/03/2005 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 14  | DC2422X028 | DANH NGUYỄN CẨM TÚ   | EP2422X1 | 24/03/2000 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 15  | DC2422X041 | TÙ TRÚC VY           | EP2422X1 | 15/01/1989 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 16  | DC2422X101 | NGÔ NGỌC GIÀO        | ET2422X1 | 16/03/1986 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 17  | DC2422X104 | TRẦN NGUYỄN TRUNG    | ET2422X1 | 29/05/1995 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 18  | DC2422X139 | ĐẶNG GIA HỶ          | ET2422X2 | 21/12/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 19  | DC2422X600 | BÙI VĂN CHẮC         | EC2422X3 | 20/01/1990 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 20  | DC2422X605 | THỊ CHÚC LY          | EC2422X3 | 29/06/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 21  | DC2422X613 | PHẠM THỊ ANH THƯ     | EC2422X3 | 19/04/1996 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 22  | DC2422X616 | NGUYỄN THANH TRUNG   | EC2422X3 | 02/05/1993 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 23  | DC2473X004 | NGUYỄN THỊ THỦY NHI  | EP2473X1 | 29/06/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 24  | DC2473X315 | ĐINH THỊ NGÀ         | ED2473X1 | 14/04/1987 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 25  | DC2473X318 | PHAN THỊ HỒNG NHẠN   | ED2473X1 | 02/07/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 26  | DC2520X774 | CHÂU THỊ NGỌC BÍCH   | EC2520X3 | 13/11/1989 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 27  | DC2520X775 | TRẦN THỊ HỒNG CÁT    | EC2520X3 | 20/05/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 28  | DC2520X778 | NGUYỄN GIA HÂN       | EC2520X3 | 15/06/2003 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 29  | DC2520X782 | NGUYỄN NGỌC NHI      | EC2520X3 | 15/03/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 30  | DC2520X786 | NGUYỄN THỊ KIỀU TIÊN | EC2520X3 | 15/06/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 31  | DC2520X787 | LÊ ĐÌNH HƯƠNG TRANG  | EC2520X3 | 06/10/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 32  | DC2520X791 | LÂM TỔ UYÊN          | EC2520X3 | 16/07/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 33  | KT2122X398 | PHAN VÕ THU PHƯƠNG   | EP2422X1 | 28/11/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 34  | KT2220X015 | HÀ KIM NGÂN          | EP2220X1 | 15/06/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |

*Tổng số: 34 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Anh văn căn bản 3 (\*)

Mã học phần: XH025

Nhóm: 3E02

CBGD: 001611 - Lê Xuân Mai

Số tín chỉ: 3

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 7g20

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: EC2667X1

Phòng thi: 108

Trang 1/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | CT2432X026 | HUỖNH THANH ĐẠI        | EP2432X1 | 20/08/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | CT2432X027 | HUỖNH NGUYỄN PHÁT ĐẠT  | EP2432X1 | 07/07/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2432X001 | NGUYỄN NHƯ BĂNG        | EP2432X1 | 05/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2432X003 | LÊ NGÂN TRUNG HẬU      | EP2432X1 | 12/11/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2432X004 | VÕ ÁNH HUY             | EP2432X1 | 02/02/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2432X005 | NGUYỄN HOÀNG KHEL      | EP2432X1 | 27/09/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2432X008 | NGUYỄN TRỌNG NHÂN      | EP2432X1 | 17/11/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2432X015 | VÕ NGỌC TUYỀN          | EP2432X1 | 14/07/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2432X016 | LÊ NGUYỄN NGỌC SƯƠNG   | EP2432X1 | 01/11/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2432X037 | ÂU GIA BỬU             | EP2432X1 | 29/09/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2432X047 | LÊ THỊ TRÚC LY         | EP2432X1 | 19/02/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2432X048 | HUỖNH QUANG MINH       | EP2432X1 | 22/11/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2432X058 | ĐƯƠNG THỊ THU THẢO     | EP2432X1 | 08/10/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2432X108 | NGUYỄN THỊ KIỀU NƯƠNG  | ET2432X1 | 17/11/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2432X112 | ĐƯƠNG THANH TÙNG       | ET2432X1 | 18/02/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2432X118 | HUỖNH NGỌC SANG        | EP2432X1 | 02/12/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2432X125 | PHAN PHÚC HẬU          | EP2432X1 | 27/08/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2432X504 | CAO NGỌC KIM LÝ        | ED2432X2 | 18/09/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2432X545 | LÊ KIM ĐÌNH            | ED2432X2 | 28/08/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 20  | DC2432X570 | TRẦN HOÀNG MINH        | ED2432X2 | 18/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2432X580 | NGUYỄN HUỖNH NHƯ       | ED2432X2 | 13/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2432X581 | NGUYỄN HÀ TÂN PHÁT     | ED2432X2 | 31/10/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 23  | DC2432X595 | PHẠM THỊ THƠ           | ED2432X2 | 06/07/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC2432X604 | VÕ NGỌC TIỀN           | ED2432X2 | 19/03/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | DC24D5X514 | NGUYỄN PHẠM MINH THÔNG | ED24D5X3 | 10/12/1995 |             |              |              |           | CT      |        |
| 26  | DC24D5X522 | VÕ THỊ NHƯ Ý           | ED24D5X3 | 14/04/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 27  | DC2532X847 | HỒNG THỊ MỸ NHIÊN      | ED2532X3 | 01/01/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 28  | DC25V7X226 | NGUYỄN HỮU NHÂN        | EC25V7X1 | 14/01/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 29  | DC25V7X228 | TRẦN MINH NHỰT         | EC25V7X1 | 24/01/1999 |             |              |              |           | CT      |        |
| 30  | DC25V7X240 | HUỖNH QUANG TRÍ        | EC25V7X1 | 17/02/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 31  | DC25V7X243 | NGUYỄN MINH TÝ         | EC25V7X1 | 16/11/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 32  | DC2667X115 | NGUYỄN THÀNH NHU       | EC2667X1 | 15/06/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 33  | DC2667X123 | HÀNG HỮU TÀI           | EC2667X1 | 08/03/2004 |             |              |              |           |         |        |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Anh văn căn bản 3 (\*)**

Mã học phần: **XH025**

Nhóm: **3E02**

CBGD: **001611 - Lê Xuân Mai**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **7g20**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **EC2667X1**

Phòng thi: **108**

Trang 2/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên          | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 34  | DC2667X130 | NGUYỄN MINH THƯƠNG | EC2667X1 | 29/10/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 35  | DC2667X133 | NGUYỄN HUỖNH TRẦN  | EC2667X1 | 05/02/2001 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 35 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Biên dịch trung cấp**

Mã học phần: **FL280**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **000211 - Nguyễn Thị Phương Hồng**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **8g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **EC25V1X1**

Phòng thi: **103**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                        | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | BL25V1X201 | NGUYỄN TÚ ANH                    | EC25V1X1 | 19/11/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 2   | DC24V1X949 | NGUYỄN ÁNH PHÚC                  | EP24V1X3 | 19/01/2005 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 3   | DC24V1X950 | NGUYỄN VIỆT TUYẾT<br>QUYÊN CHIÊU | EP24V1X3 | 16/06/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 4   | DC24V1X952 | LÝ CHÂU GIA KHANG                | EP24V1X3 | 25/09/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 5   | DC24V1X955 | PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG               | EP24V1X3 | 16/09/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 6   | DC24V1X956 | VÕ HUỖNH ANH                     | EP24V1X3 | 28/02/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 7   | DC25V1X204 | NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG             | EC25V1X1 | 20/02/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 8   | DC25V1X214 | NGÔ TRIỆU ĐIỂM HUỖN              | EC25V1X1 | 20/02/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 9   | DC25V1X221 | NGUYỄN THỊ PHƯỢNG<br>LIÊN        | EC25V1X1 | 03/02/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 10  | DC25V1X223 | HUỖNH THỊ LƯ                     | EC25V1X1 | 17/09/1995 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 11  | DC25V1X226 | ĐỖ CHÍ NAM                       | EC25V1X1 | 24/12/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 12  | DC25V1X231 | DƯƠNG THỊ YẾN NHI                | EC25V1X1 | 17/02/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 13  | DC25V1X241 | NGUYỄN ĐIỂN NGUYỆT<br>THANH      | EC25V1X1 | 24/10/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 14  | DC25V1X249 | TRẦN NGUYỄN MINH THƯ             | EC25V1X1 | 27/04/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 15  | DC25V1X255 | LÊ NGUYỄN NGỌC TRẦN              | EC25V1X1 | 05/07/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 16  | DC25V1X261 | SƠN NGỌC UYÊN                    | EC25V1X1 | 22/11/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |

Tổng số: 16 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Biên dịch trung cấp**

Mã học phần: **FL280**

Nhóm: **3E02**

CBGD: **000211 - Nguyễn Thị Phương Hồng**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **8g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED24V1X9**

Phòng thi: **106**

Trang 1/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC24V1X047 | VŨ THÙY DƯƠNG          | ED24V1X9 | 11/10/1982 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC24V1X821 | TRƯƠNG THỊ BÍCH LIÊN   | ED24V1X9 | 08/01/1982 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC24V1X822 | NGUYỄN THỊ KIM HÀ      | ED24V1X9 | 10/06/1982 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC24V1X959 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGHI | ED24V1X9 | 23/06/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC24V1X961 | PHẠM DIỄM MY           | ED24V1X9 | 18/11/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC24V1X963 | BÙI KIM TRANG          | ED24V1X9 | 19/09/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC24V1X964 | NGUYỄN HUỆ NHÀN        | ED24V1X9 | 20/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC24V1X965 | DƯƠNG TRỌNG TÍN        | ED24V1X9 | 09/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC24V1X967 | NGUYỄN NGỌC HÂN        | ED24V1X9 | 20/12/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC24V1X968 | VÕ NHƯ QUỲNH           | ED24V1X9 | 04/12/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC24V1X969 | LÊ QUỐC TRỰC           | ED24V1X9 | 19/03/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC24V1X970 | ĐOÀN THỊ THÙY HIỀN     | ED24V1X9 | 18/11/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC24V1X971 | NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC   | ED24V1X9 | 27/02/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC24V1X972 | NGUYỄN THỊ CẨM TÚ      | ED24V1X9 | 07/07/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC24V1X974 | NGUYỄN QUỐC HUY        | ED24V1X9 | 21/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC24V1X977 | PHẠM PHƯỚC TOÀN        | ED24V1X9 | 18/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC24V1X979 | DƯƠNG HOÀI GIAO HÀ     | ED24V1X9 | 11/08/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC24V1X981 | PHAN THỊ XA ĐẾT HAI    | ED24V1X9 | 03/09/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC24V1X982 | TRƯƠNG THẢO NGỌC       | ED24V1X9 | 25/02/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC24V1X983 | LÊ THỊ CẨM EM          | ED24V1X9 | 09/08/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC24V1X984 | TRẦN THỊ DIỄM HẰNG     | ED24V1X9 | 06/05/1991 |             |              |              |           | CT      |        |
| 22  | DC24V1X985 | NGUYỄN THỊ BÍCH THIÊN  | ED24V1X9 | 15/04/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC24V1X987 | HUỲNH LÊ XUÂN ÁI       | ED24V1X9 | 14/11/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC24V1X988 | LÊ ĐỨC LƯU             | ED24V1X9 | 23/10/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | DC24V1X989 | MAI THỊ THANH TRÚC     | ED24V1X9 | 15/03/1985 |             |              |              |           | CT      |        |
| 26  | DC24V1X990 | NGÔ CHÍ QUANG          | ED24V1X9 | 11/12/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 27  | DC24V1X993 | TRẦN MỸ NGỌC           | ED24V1X9 | 21/12/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 28  | DC24V1X995 | PHẠM THỊ BÍCH          | ED24V1X9 | 10/04/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 29  | DC24V1X997 | HÀ THỊ THÙY DƯƠNG      | ED24V1X9 | 05/12/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 30  | DC24V1X998 | NGUYỄN VĂN NHẤT NAM    | ED24V1X9 | 10/11/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 31  | DC24V1X999 | LÂM THỊ QUỲNH NHƯ      | ED24V1X9 | 10/05/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 32  | FL24V1X901 | NGUYỄN THANH THẢO      | ED24V1X9 | 06/06/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 33  | FL24V1X902 | TRẦN THỊ THOẠI MỸ      | ED24V1X9 | 23/07/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 34  | FL24V1X903 | LỮ THIÊN PHÚC          | ED24V1X9 | 25/02/1986 |             |              |              |           |         |        |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Biên dịch trung cấp**

Mã học phần: **FL280**

Nhóm: **3E02**

CBGD: **000211 - Nguyễn Thị Phương Hồng**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **8g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED24V1X9**

Phòng thi: **106**

Trang 2/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên                  | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 35  | FL24V1X905 | MAI NGỌC THUY NHÂN         | ED24V1X9 | 21/01/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 36  | FL24V1X906 | ĐINH THY VÂN ANH           | ED24V1X9 | 29/05/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 37  | FL24V1X907 | PHẠM PHƯƠNG HIẾU           | ED24V1X9 | 11/06/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 38  | FL24V1X911 | PHẠM LÊ HUYỀN TRANG        | ED24V1X9 | 28/03/1990 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 39  | FL24V1X914 | PHẠM THỊ KIM NGÂN          | ED24V1X9 | 02/07/1990 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 40  | FL24V1X915 | ĐỖ THU UYÊN                | ED24V1X9 | 20/08/1993 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 41  | FL24V1X916 | NGUYỄN THỊ MINH NGỌC       | ED24V1X9 | 15/10/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 42  | FL24V1X918 | HUỲNH MINH TÍNH            | ED24V1X9 | 06/06/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 43  | FL24V1X920 | HỒ NHỰT MINH               | ED24V1X9 | 13/08/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 44  | FL24V1X921 | TRẦN HẢI THIÊN             | ED24V1X9 | 27/03/1998 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 45  | FL24V1X922 | VÕ THỊ QUẾ ANH             | ED24V1X9 | 30/05/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 46  | FL24V1X923 | NGUYỄN THỊ TRÀ MY          | ED24V1X9 | 05/09/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 47  | FL24V1X926 | NGUYỄN THỊ HẬU             | ED24V1X9 | 09/04/1998 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 48  | FL24V1X928 | LÊ THỊ CẨM HẰNG            | ED24V1X9 | 20/09/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 49  | FL24V1X931 | NGUYỄN QUÁCH NGỌC<br>TUYÊN | ED24V1X9 | 27/08/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 50  | FL24V1X932 | PHẠM LÊ HUYỀN TRÂN         | ED24V1X9 | 01/12/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 51  | FL24V1X933 | ĐỖ NGỌC HOÀI THƯƠNG        | ED24V1X9 | 21/11/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 52  | FL24V1X934 | NGUYỄN THỊ MINH LÝ         | ED24V1X9 | 29/10/1988 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 53  | FL24V1X935 | LÂM THỊ ĐIỀU               | ED24V1X9 | 09/03/1986 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 54  | FL24V1X936 | THẠCH NGÔ NGUYỆT MINH      | ED24V1X9 | 04/11/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 55  | FL24V1X937 | VÕ THÀNH THÁI              | ED24V1X9 | 01/08/1983 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 56  | FL24V1X940 | NGUYỄN NHỰT BĂNG           | ED24V1X9 | 11/02/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 57  | FL24V1X941 | LÂM TRANG HOÀNG<br>THANH   | ED24V1X9 | 19/09/1986 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 58  | FL24V1X942 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN      | ED24V1X9 | 15/03/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |

Tổng số: 58 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Biên dịch trung cấp**

Mã học phần: **FL280**

Nhóm: **3E03**

CBGD: **000211 - Nguyễn Thị Phương Hồng**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **8g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED24V1XX**

Phòng thi: **108**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC25V1X098 | NGUYỄN HỒ DIỄM PHÚC    | ED25V1XX | 20/11/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | FL21V1X324 | NGUYỄN HOÀI TƯỞI XUYỀN | EF21V1X1 | 10/11/2001 |             |              |              |           | CT      |        |
| 3   | FL24V1X955 | NGUYỄN THỊ MAI ANH     | ED24V1XX | 06/11/1993 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 3 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Sản xuất tinh gọn**  
CBGD: **002698 - Võ Trần Thị Bích Châu**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **8g45**  
Lớp: **ED24D5X3**

Mã học phần: **KC392** Nhóm: **3E01**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **102**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC24D5X500 | NGUYỄN TUẤN ANH        | ED24D5X3 | 23/02/1996 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC24D5X507 | NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC     | ED24D5X3 | 07/11/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC24D5X510 | PHAN THỊ HỒNG NHƯ      | ED24D5X3 | 02/01/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC24D5X514 | NGUYỄN PHẠM MINH THÔNG | ED24D5X3 | 10/12/1995 |             |              |              |           | CT      |        |
| 5   | DC24D5X522 | VÕ THỊ NHƯ Ý           | ED24D5X3 | 14/04/2002 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 5 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Luật hiến pháp chuyên sâu

Mã học phần: KL229E

Nhóm: 3E01

CBGD: 001891 - Đinh Thanh Phương

Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 8g45

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: ED2432X4

Phòng thi: 102

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên         | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2432X317 | LÊ HUỖNH NHỰT     | ED2432X1 | 06/07/1982 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2432X783 | NGUYỄN QUỐC THÁI  | EP2432X4 | 18/08/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2432X930 | VÕ TRẦN ĐĂNG KHOA | ED2432X4 | 13/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2432X933 | CAO PHI YẾN LINH  | ED2432X4 | 23/09/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2432X939 | VÕ THỊ THU MỸ     | ED2432X4 | 28/08/1995 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 5 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Luật hành chính 3

Mã học phần: KL378

Nhóm: 3E01

CBGD: 002591 - Huỳnh Thị Cẩm Hồng

Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 8g45

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: ED2532X1

Phòng thi: 104

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                 | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | CT2532X377 | HÀ LÂM KỶ DUNG NỮ         | ED2532X1 | 04/06/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 2   | DC2532X001 | DANH HUỖNH ANH            | EP2532X1 | 24/03/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 3   | DC2532X016 | NGUYỄN TRỌNG HIẾU         | EP2532X1 | 22/05/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 4   | DC2532X036 | PHẠM THỊ THANH MAI        | EP2532X1 | 05/11/1977 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 5   | DC2532X043 | TRẦN BÍCH PHƯƠNG          | EP2532X1 | 10/06/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 6   | DC2532X045 | LÊ ANH QUÍ                | EP2532X1 | 12/06/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 7   | DC2532X055 | TRẦN PHÚC THỊNH           | EP2532X1 | 19/04/2006 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 8   | DC2532X304 | LÊ GIA BẢO                | ED2532X1 | 25/06/1995 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 9   | DC2532X308 | TỔNG THỊ BÍCH DIỄM        | ED2532X1 | 04/01/1988 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 10  | DC2532X316 | NGUYỄN TIỀN ĐẠT           | ED2532X1 | 01/02/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 11  | DC2532X330 | TRẦN THANH HIỀN           | ED2532X1 | 15/09/1986 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 12  | DC2532X355 | LẠI TÀI MY                | ED2532X1 | 25/09/1994 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 13  | DC2532X356 | LÂM THỊ KIM NGÂN          | ED2532X1 | 16/05/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 14  | DC2532X358 | NGUYỄN NGỌC NGÂN          | ED2532X1 | 12/06/1995 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 15  | DC2532X363 | NGUYỄN BẢO NGỌC           | ED2532X1 | 25/05/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 16  | DC2532X371 | VÕ NGỌC NHI               | ED2532X1 | 26/09/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 17  | DC2532X372 | LÊ HUỖNH KHÁNH NHƯ        | ED2532X1 | 02/12/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 18  | DC2532X394 | NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC<br>QUẾ | ED2532X1 | 27/06/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 19  | DC2532X399 | MAI HUỖNH SƯƠNG           | ED2532X1 | 06/03/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 20  | DC2532X405 | NGUYỄN HỨA KIM THẢO       | ED2532X1 | 04/04/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 21  | DC2532X406 | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO        | ED2532X1 | 07/09/1992 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 22  | DC2532X408 | TRẦN ĐẮC THẮNG            | ED2532X1 | 04/05/1995 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 23  | DC2532X416 | PHAN THỊ CẨM TIỀN         | ED2532X1 | 21/06/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 24  | DC2532X417 | TRẦN HẠNH TIỀN            | ED2532X1 | 16/03/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 25  | DC2532X426 | LÂM NGỌC TRÂN             | ED2532X1 | 20/05/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 26  | DC2532X430 | NGUYỄN THỊ THANH TRÚC     | ED2532X1 | 17/06/1987 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 27  | DC2532X436 | PHẠM PHONG VÂN            | ED2532X1 | 08/03/1985 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 28  | DC2532X440 | TRẦN THỊ LAN VY           | ED2532X1 | 09/09/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 29  | LK2232X350 | TRẦN THỊ BÍCH NGỌC        | ED2532X1 | 11/05/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |

*Tổng số: 29 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Kinh tế học ngân hàng

Mã học phần: KT249

Nhóm: 3E01

CBGD: 001695 - Phan Đình Khôi

Số tín chỉ: 3

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 8g45

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: ET2521X1

Phòng thi: 104

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2521X100 | TRẦN NHẬT CUỒNG       | ET2521X1 | 21/10/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2521X110 | ĐỖ THỊ XUYỀN          | ET2521X1 | 26/07/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2521X302 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH     | ED2521X1 | 10/05/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2521X304 | TRIỆU THÙY DUNG       | ED2521X1 | 25/12/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2521X312 | VÕ ĐĂNG KHOA          | ED2521X1 | 05/12/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2521X327 | NGUYỄN THỊ ĐOAN TRANG | ED2521X1 | 21/01/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2521X338 | LÝ KIM Ý              | ED2521X1 | 20/02/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | NS2521X103 | LÊ THỊ HỒNG HUỆ       | ET2521X1 | 04/09/2004 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 8 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Kinh tế quốc tế**  
CBGD: **002220 - Nguyễn Xuân Vinh**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **8g45**  
Lớp: **EC2522X2**

Mã học phần: **KT303E**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **102**

Nhóm: **3E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2422X405 | NGUYỄN ĐĂNG KIỀU DIỄM | EP2422X3 | 07/02/2006 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2422X425 | NGŨ THIÊN NHI         | EP2422X3 | 28/06/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2422X436 | NGUYỄN XUÂN THẢO      | EP2422X3 | 29/05/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2422X442 | HỒ HUỲNH TRANG        | EP2422X3 | 12/08/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2422X445 | NGUYỄN HỮU TRÍ        | EP2422X3 | 05/07/1998 |             |              |              |           | CT      |        |
| 6   | DC2422X447 | VŨ PHẠM VÂN TRƯỜNG    | EP2422X3 | 23/11/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2422X505 | LÊ MỘNG NGHI          | ET2422X3 | 01/03/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2422X701 | ĐẶNG CHÍ BÌNH         | ED2422X3 | 30/03/2000 |             |              |              |           | CT      |        |
| 9   | DC2422X703 | TRƯƠNG LÊ TIẾN ĐẠT    | ED2422X3 | 18/12/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2422X711 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN   | ED2422X3 | 18/09/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2422X712 | PHAN KIM NGÂN         | ED2422X3 | 03/10/2000 |             |              |              |           | CT      |        |
| 12  | DC2422X722 | TRẦN MINH TẤN         | ED2422X3 | 06/04/1997 |             |              |              |           | CT      |        |
| 13  | DC2422X727 | PHẠM THỊ MINH THU     | ED2422X3 | 07/11/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2422X730 | LÊ VĂN TRƯỜNG         | ED2422X3 | 13/01/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2422X732 | ĐẶNG DIỄM TUỜNG       | ED2422X3 | 20/10/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2422X733 | CAO PHƯƠNG UYÊN       | ED2422X3 | 07/09/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2522X602 | LƯƠNG NGỌC HẢI        | EC2522X2 | 22/04/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2522X608 | HUỲNH THỊ YẾN NGỌC    | EC2522X2 | 24/10/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2522X609 | NGUYỄN XUÂN NGUYỄN    | EC2522X2 | 16/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2522X611 | TRẦN THỊ HUỲNH NHƯ    | EC2522X2 | 24/10/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2522X612 | NGUYỄN HỒNG PHÚC      | EC2522X2 | 10/06/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2522X617 | HOA ANH THU           | EC2522X2 | 02/04/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC2522X621 | TRẦN BÌNH TUỜNG       | EC2522X2 | 01/06/2001 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 23 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Kế toán ngân sách**  
CBGD: **002117 - Lê Tín**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **8g45**  
Lớp: **EC2520X2**

Mã học phần: **KT315** Nhóm: **3E01**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2420X504 | PHAN PHƯƠNG YẾN NHI  | EP2420X3 | 27/08/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2420X506 | LÊ HOÀNG OANH        | EP2420X3 | 17/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2420X823 | TRẦN MINH THÀNH      | ED2420X3 | 08/06/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2520X623 | LÊ THỊ HỒNG LINH     | EC2520X2 | 13/09/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2520X624 | TÔ ĐỖ THANH LOAN     | EC2520X2 | 04/09/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2520X626 | CAO THỊ CHÚC LY      | EC2520X2 | 24/07/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2520X627 | ĐÀO HOÀNG MAI        | EC2520X2 | 27/05/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2520X635 | LÝ THU THẢO          | EC2520X2 | 30/01/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2520X636 | NGUYỄN LÊ THU THẢO   | EC2520X2 | 10/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2520X640 | LÊ THỊ MỸ THIỆN      | EC2520X2 | 27/12/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2520X644 | TẠ HOÀNG PHƯƠNG TRÂM | EC2520X2 | 23/11/1992 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 11 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Kế toán tài chính 2**  
CBGD: **001535 - Nguyễn Thị Hồng Liễu**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **8g45**  
Lớp: **ED2520X3**

Mã học phần: **KT342**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **103**

Nhóm: **3E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | CT2520X419 | PHAN THỊ NGỌC THÙY    | EP2520X2 | 24/12/2006 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2320X414 | LƯU THANH THÚY AN     | ET2320X2 | 19/02/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2520X401 | NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH  | EP2520X2 | 28/07/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2520X407 | LƯƠNG LÊ HỒNG NGA     | EP2520X2 | 15/03/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2520X408 | ĐẶNG THỊ THANH NGÂN   | EP2520X2 | 14/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2520X421 | LÊ THỊ MINH THU       | EP2520X2 | 15/08/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2520X424 | BÙI THỊ TƯỜNG VÂN     | EP2520X2 | 25/07/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2520X501 | NGUYỄN TẠ QUÍ LAN     | ET2520X2 | 23/02/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2520X525 | VÕ THỊ TRÚC THANH     | ET2520X2 | 23/06/1991 |             |              |              |           | CT      |        |
| 10  | DC2520X706 | NGUYỄN THỊ CẨM GIÈNG  | ED2520X2 | 19/09/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2520X714 | TRẦN THỊ LỜI          | ED2520X2 | 15/11/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2520X723 | NGUYỄN THỊ NHẬT QUỲNH | ED2520X2 | 27/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2520X732 | MAI QUỐC VINH         | ED2520X2 | 09/12/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2520X774 | CHÂU THỊ NGỌC BÍCH    | EC2520X3 | 13/11/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2520X775 | TRẦN THỊ HỒNG CÁT     | EC2520X3 | 20/05/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2520X778 | NGUYỄN GIA HÂN        | EC2520X3 | 15/06/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 17  | DC2520X782 | NGUYỄN NGỌC NHI       | EC2520X3 | 15/03/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2520X785 | ĐỖ BỬU TÂM            | EC2520X3 | 13/07/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2520X786 | NGUYỄN THỊ KIỀU TIÊN  | EC2520X3 | 15/06/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2520X787 | LÊ ĐÌNH HƯƠNG TRANG   | EC2520X3 | 06/10/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2520X791 | LÂM TỔ UYÊN           | EC2520X3 | 16/07/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2520X824 | NGUYỄN TƯỜNG VI       | ED2520X3 | 13/04/1997 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 22 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi



DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Triết học Mác - Lênin

Mã học phần: ML014

Nhóm: 3E01

CBGD: 002214 - Hồ Thị Hà

Số tín chỉ: 3

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 8g45

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: EP2432X2

Phòng thi: 101

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | CT2432X026 | HUỖNH THANH ĐẠI       | EP2432X1 | 20/08/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | CT2432X027 | HUỖNH NGUYỄN PHÁT ĐẠT | EP2432X1 | 07/07/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2232X605 | TỔNG HOÀNG KIÊN       | ET2232X3 | 26/10/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2320X303 | NGUYỄN ANH THƯ        | EP2420X2 | 28/06/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2332X253 | THÁI MINH LỘC         | EP2332X2 | 19/07/1977 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2367X003 | ĐINH DUY ANH          | EP2367X1 | 29/08/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2367X008 | PHẠM THANH TÔNG       | EP2367X1 | 08/10/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC23V1X515 | LÝ NGỌC NHƯ           | EP23V1X2 | 15/06/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC23V1X526 | NGÔ HẢI ĐĂNG          | EP23V1X2 | 26/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2420X031 | HUỖNH NHẬT THANH HUY  | EP2420X2 | 29/09/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2420X047 | BÙI CÁT XUÂN ĐÀO      | EP2420X2 | 04/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2420X048 | LÊ VŨ HOÀNG MY        | EP2420X2 | 26/09/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2422X066 | NGUYỄN NGỌC QUẾ TRÂN  | EP2422X2 | 03/04/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2422X068 | TRƯƠNG QUANG TRƯỜNG   | EP2422X2 | 06/02/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2422X081 | NGUYỄN HỒNG LOAN      | EP2422X2 | 01/03/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2422X088 | ĐẶNG NGỌC TRÂM        | EP2422X2 | 09/06/2002 |             |              |              |           | CT      |        |
| 17  | DC2422X095 | TRẦN THỊ THUỖ MỸ      | EP2422X2 | 18/10/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2422X097 | NGUYỄN HỒNG THẢO      | EP2422X2 | 04/10/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2432X001 | NGUYỄN NHƯ BĂNG       | EP2432X1 | 05/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2432X003 | LÊ NGÂN TRUNG HẬU     | EP2432X1 | 12/11/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2432X004 | VÕ ÁNH HUY            | EP2432X1 | 02/02/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2432X005 | NGUYỄN HOÀNG KHEL     | EP2432X1 | 27/09/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC2432X008 | NGUYỄN TRỌNG NHÂN     | EP2432X1 | 17/11/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC2432X015 | VÕ NGỌC TUYỀN         | EP2432X1 | 14/07/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | DC2432X016 | LÊ NGUYỄN NGỌC SƯƠNG  | EP2432X1 | 01/11/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 26  | DC2432X037 | ÂU GIA BŨU            | EP2432X1 | 29/09/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 27  | DC2432X048 | HUỖNH QUANG MINH      | EP2432X1 | 22/11/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 28  | DC2432X058 | DƯƠNG THỊ THU THẢO    | EP2432X1 | 08/10/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 29  | DC2432X118 | HUỖNH NGỌC SANG       | EP2432X1 | 02/12/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 30  | DC2432X157 | DƯƠNG TỬ THIÊN        | EP2432X2 | 17/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 31  | DC2432X188 | PHẠM LÊ TÀI           | EP2432X2 | 30/10/2005 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 31 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã học phần: ML019

Nhóm: 3E01

CBGD: 002332 - Đồng Thị Kim Xuyên

Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 8g45

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: EP2422X1

Phòng thi: 108

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2367X006 | THẠCH SUÔNG SA NỐT    | EP2367X1 | 05/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2367X007 | VÕ ÁNH PHƯỢNG         | EP2367X1 | 04/04/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC23V1X602 | ĐÀO TRỌNG HẢI         | ET23V1X2 | 19/07/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC23V1X609 | NGUYỄN HOÀNG SƠN      | ET23V1X2 | 22/02/1980 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC23V1X614 | HUỲNH THỊ DIỆU HƯỜNG  | ET23V1X2 | 15/11/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2420X002 | NGUYỄN THỊ THÚY LOAN  | EP2420X1 | 17/12/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2420X003 | NGUYỄN HOÀNG OANH     | EP2420X1 | 13/03/2004 |             |              |              |           | CT      |        |
| 8   | DC2420X020 | PHẠM KIỀU DIỄM        | EP2420X1 | 15/02/1991 |             |              |              |           | CT      |        |
| 9   | DC2421X005 | LÊ LAN ANH            | EP2421X1 | 22/11/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2422X003 | TRẦN LÊ NHỰT ANH      | EP2422X1 | 28/06/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 11  | DC2422X008 | NGUYỄN THỊ THÚY DUY   | EP2422X1 | 09/05/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2422X012 | NGUYỄN TRỌNG HIẾU     | EP2422X1 | 15/12/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2422X014 | PHÙNG THỊ KIM LIÊN    | EP2422X1 | 12/09/1979 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2422X023 | ĐUỜNG THỊ MINH THU    | EP2422X1 | 09/03/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2422X028 | DANH NGUYỄN CẨM TÚ    | EP2422X1 | 24/03/2000 |             |              |              |           | CT      |        |
| 16  | DC2422X039 | PHẠM THANH TÂN        | EP2422X1 | 26/12/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2422X041 | TỪ TRÚC VY            | EP2422X1 | 15/01/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2422X101 | NGÔ NGỌC GIÀO         | ET2422X1 | 16/03/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2422X102 | NGUYỄN VŨ MINH LONG   | ET2422X1 | 22/02/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2422X104 | TRẦN NGUYỄN TRUNG     | ET2422X1 | 29/05/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2432X108 | NGUYỄN THỊ KIỀU NUƠNG | ET2432X1 | 17/11/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2432X112 | ĐƯƠNG THANH TÙNG      | ET2432X1 | 18/02/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC24V1X043 | LÊ NGUYỄN THÚY HIỀN   | EP24V1X1 | 20/08/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | KT2122X398 | PHAN VÕ THU PHƯƠNG    | EP2422X1 | 28/11/1997 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 24 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Xác suất thống kê và phép thí nghiệm - KHCT** Mã học phần: **NN184** Nhóm: **3E01**  
CBGD: **002415 - Ngô Thành Trí** Số tín chỉ: **3**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **8g45** Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Lớp: **ED2573X2** Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2373X221 | NGUYỄN TRUNG TÍNH    | ED2373X2 | 27/02/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2473X318 | PHAN THỊ HỒNG NHẬN   | ED2473X1 | 02/07/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2573X015 | CHÂU THỊ NHƯ Ý       | EC2573X2 | 26/10/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2573X102 | LÊ HÒA HƯNG          | ED2573X2 | 02/01/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2573X111 | TRẦN NGUYỄN NGỌC ANH | ED2573X2 | 03/02/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2573X117 | UNG PHI HỌC          | ED2573X2 | 30/11/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2573X118 | ĐỖ VĂN HỘI           | ED2573X2 | 01/01/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2573X119 | ĐẶNG ĐÌNH HUY        | ED2573X2 | 28/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2573X125 | VÕ PHÚC LỄ           | ED2573X2 | 08/09/1978 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2573X126 | LÊ THỊ THẢO NGÂN     | ED2573X2 | 20/02/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2573X134 | NGUYỄN THỊ CẨM THỊ   | ED2573X2 | 15/05/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2573X136 | NGUYỄN MINH THƯƠNG   | ED2573X2 | 19/04/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | NS2573X113 | ĐOÀN THỊ DIỄM        | ED2573X2 | 17/12/1982 |             |              |              |           | CT      |        |
| 14  | ST2573X104 | LÂM MINH NGHĨA       | ED2573X2 | 03/01/1992 |             |              |              |           | CT      |        |

Tổng số: 14 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Bệnh ký sinh gia súc và gia cầm

Mã học phần: NN333

Nhóm: 3E01

CBGD: 002429 - Nguyễn Hồ Bảo Trân

Số tín chỉ: 3

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 8g45

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: EC2567X1

Phòng thi: 105

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2367X323 | TRẦN THỊ HỒNG OANH  | ED2367X1 | 10/08/1990 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC2467X500 | THÁI CÔNG DANH      | EP2467X3 | 07/12/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2467X502 | NGUYỄN VĂN THÁI     | EP2467X3 | 15/10/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2467X608 | NGUYỄN VĂN BIÊN     | ED2467X3 | 29/09/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 5   | DC2467X619 | NGUYỄN VĂN KHÁNH    | ED2467X3 | 05/02/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2467X622 | TRẦN GIA TIẾN       | ED2467X3 | 19/11/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2467X626 | TRẦN NGUYỄN GIA HÂN | ED2467X3 | 13/11/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2567X217 | PHẠM THANH HIẾU     | EC2567X1 | 01/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2567X262 | LÊ NHỰT TRƯỜNG      | EC2567X1 | 27/04/2001 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 9 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Miễn dịch học**

Mã học phần: **NS119**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **002911 - Trương Quỳnh Như**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **8g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED2667X1**

Phòng thi: **108**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2667X004 | LÊ HOÀI KHƯƠNG       | ET2667X1 | 03/04/2006 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2667X005 | TRẦN CHÍ LÂM         | ET2667X1 | 18/05/2007 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2667X055 | TRẦN CẨM ĐÀO         | ED2667X1 | 20/11/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2667X062 | LƯU NGUYỄN HẠNH      | ED2667X1 | 18/09/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2667X067 | NGUYỄN PHAN NGỌC LAM | ED2667X1 | 27/10/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2667X078 | TRÌNH QUANG NHỰT     | ED2667X1 | 01/01/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2667X084 | LÝ MỸ THÙY           | ED2667X1 | 24/10/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2667X088 | BÙI QUỐC VINH        | ED2667X1 | 26/01/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2667X115 | NGUYỄN THÀNH NHU     | EC2667X1 | 15/06/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2667X123 | HÀNG HỮU TÀI         | EC2667X1 | 08/03/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2667X130 | NGUYỄN MINH THƯƠNG   | EC2667X1 | 29/10/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2667X133 | NGUYỄN HUỲNH TRẦN    | EC2667X1 | 05/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2667X143 | NGUYỄN NGỌC QUẾ ANH  | EC2667X1 | 02/09/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2667X152 | VÔ QUỐC HỮU          | EC2667X1 | 18/01/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2667X166 | LÊ THỊ KIM THOA      | EC2667X1 | 12/10/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2667X168 | NGUYỄN NGỌC TRANG    | EC2667X1 | 01/07/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2667X169 | TRẦN THỊ BẢO TRẦN    | EC2667X1 | 24/03/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2667X170 | NGÔ TÚ TRINH         | EC2667X1 | 29/06/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2667X174 | PHẠM THỊ ÁNH TUYẾT   | EC2667X1 | 16/06/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DG2667X079 | LÊ THỊ HÀ PHƯƠNG     | ED2667X1 | 17/01/2002 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 20 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Hệ thống thông tin Logistics

Mã học phần: KC417

Nhóm: 3E01

CBGD: 002698 - Võ Trần Thị Bích Châu

Số tín chỉ: 3

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 10g05

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: ED24D5X3

Phòng thi: 102

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC24D5X500 | NGUYỄN TUẤN ANH        | ED24D5X3 | 23/02/1996 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC24D5X507 | NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC     | ED24D5X3 | 07/11/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC24D5X510 | PHAN THỊ HỒNG NHƯ      | ED24D5X3 | 02/01/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC24D5X514 | NGUYỄN PHẠM MINH THÔNG | ED24D5X3 | 10/12/1995 |             |              |              |           | CT      |        |
| 5   | DC24D5X522 | VÕ THỊ NHƯ Ý           | ED24D5X3 | 14/04/2002 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 5 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Pháp luật về xây dựng**  
CBGD: **003081 - Nguyễn Dương Anh Thắng**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **10g05**  
Lớp: **ED2432X4**

Mã học phần: **KL377**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **108**

Nhóm: **3E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên          | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2432X306 | VƯƠNG LÊ VĨNH NGHI | ED2432X1 | 01/01/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2432X783 | NGUYỄN QUỐC THÁI   | EP2432X4 | 18/08/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2432X908 | TRẦN HOÀNG ANH     | ED2432X4 | 23/08/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2432X910 | TRẦN QUỐC ANH      | ED2432X4 | 04/03/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2432X930 | VÕ TRẦN ĐĂNG KHOA  | ED2432X4 | 13/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2432X933 | CAO PHI YẾN LINH   | ED2432X4 | 23/09/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2432X939 | VÕ THỊ THU MỸ      | ED2432X4 | 28/08/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2432X941 | LÊ HOÀNG NAM       | ED2432X4 | 01/01/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2432X945 | DƯƠNG HẠNH NGUYỄN  | ED2432X4 | 25/06/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2432X973 | LƯU HẠO VÂN        | ED2432X4 | 07/01/2001 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 10 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi



DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Luật hợp đồng thông dụng

Mã học phần: KL404

Nhóm: 3E01

CBGD: 001716 - Trương Thanh Hùng

Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 10g05

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: ED2532X1

Phòng thi: 104

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                 | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | CT2032X672 | VÕ THỊ MỸ TRÀ             | ET2032X2 | 01/01/1985 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 2   | CT2532X377 | HÀ LÂM KỲ DUNG NỮ         | ED2532X1 | 04/06/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 3   | DC2532X001 | DANH HUỖNH ANH            | EP2532X1 | 24/03/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 4   | DC2532X016 | NGUYỄN TRỌNG HIẾU         | EP2532X1 | 22/05/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 5   | DC2532X036 | PHẠM THỊ THANH MAI        | EP2532X1 | 05/11/1977 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 6   | DC2532X043 | TRẦN BÍCH PHƯƠNG          | EP2532X1 | 10/06/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 7   | DC2532X045 | LÊ ANH QUÍ                | EP2532X1 | 12/06/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 8   | DC2532X055 | TRẦN PHÚC THỊNH           | EP2532X1 | 19/04/2006 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 9   | DC2532X304 | LÊ GIA BẢO                | ED2532X1 | 25/06/1995 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 10  | DC2532X308 | TỔNG THỊ BÍCH DIỄM        | ED2532X1 | 04/01/1988 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 11  | DC2532X316 | NGUYỄN TIẾN ĐẠT           | ED2532X1 | 01/02/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 12  | DC2532X330 | TRẦN THANH HIỀN           | ED2532X1 | 15/09/1986 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 13  | DC2532X355 | LẠI TÀI MY                | ED2532X1 | 25/09/1994 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 14  | DC2532X356 | LÂM THỊ KIM NGÂN          | ED2532X1 | 16/05/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 15  | DC2532X358 | NGUYỄN NGỌC NGÂN          | ED2532X1 | 12/06/1995 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 16  | DC2532X363 | NGUYỄN BẢO NGỌC           | ED2532X1 | 25/05/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 17  | DC2532X371 | VÕ NGỌC NHI               | ED2532X1 | 26/09/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 18  | DC2532X372 | LÊ HUỖNH KHÁNH NHƯ        | ED2532X1 | 02/12/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 19  | DC2532X394 | NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC<br>QUẾ | ED2532X1 | 27/06/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 20  | DC2532X399 | MAI HUỖNH SƯƠNG           | ED2532X1 | 06/03/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 21  | DC2532X405 | NGUYỄN HỨA KIM THẢO       | ED2532X1 | 04/04/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 22  | DC2532X406 | NGUYỄN PHƯƠNG THẢO        | ED2532X1 | 07/09/1992 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 23  | DC2532X408 | TRẦN ĐẮC THẮNG            | ED2532X1 | 04/05/1995 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 24  | DC2532X416 | PHAN THỊ CẨM TIỀN         | ED2532X1 | 21/06/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 25  | DC2532X417 | TRẦN HẠNH TIỀN            | ED2532X1 | 16/03/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 26  | DC2532X426 | LÂM NGỌC TRÂN             | ED2532X1 | 20/05/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 27  | DC2532X430 | NGUYỄN THỊ THANH TRÚC     | ED2532X1 | 17/06/1987 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 28  | DC2532X436 | PHẠM PHONG VÂN            | ED2532X1 | 08/03/1985 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 29  | DC2532X440 | TRẦN THỊ LAN VY           | ED2532X1 | 09/09/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 30  | LK2232X350 | TRẦN THỊ BÍCH NGỌC        | ED2532X1 | 11/05/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |

*Tổng số: 30 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Quản trị chất lượng sản phẩm

Mã học phần: KT345

Nhóm: 3E01

CBGD: 002224 - Lê Thị Diệu Hiền

Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 10g05

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: EC2522X2

Phòng thi: 102

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2422X405 | NGUYỄN ĐẶNG KIỀU DIỄM | EP2422X3 | 07/02/2006 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2422X414 | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG  | EP2422X3 | 16/07/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2422X425 | NGŨ THIÊN NHI         | EP2422X3 | 28/06/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2422X436 | NGUYỄN XUÂN THẢO      | EP2422X3 | 29/05/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2422X442 | HỒ HUỖNH TRANG        | EP2422X3 | 12/08/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2422X445 | NGUYỄN HỮU TRÍ        | EP2422X3 | 05/07/1998 |             |              |              |           | CT      |        |
| 7   | DC2422X447 | VŨ PHẠM VÂN TRƯỜNG    | EP2422X3 | 23/11/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2422X505 | LÊ MỘNG NGHI          | ET2422X3 | 01/03/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2422X516 | NGUYỄN QUỐC BẢO       | ET2422X3 | 02/11/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2422X701 | ĐẶNG CHÍ BÌNH         | ED2422X3 | 30/03/2000 |             |              |              |           | CT      |        |
| 11  | DC2422X703 | TRƯƠNG LÊ TIẾN ĐẠT    | ED2422X3 | 18/12/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2422X711 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN   | ED2422X3 | 18/09/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2422X712 | PHAN KIM NGÂN         | ED2422X3 | 03/10/2000 |             |              |              |           | CT      |        |
| 14  | DC2422X722 | TRẦN MINH TẤN         | ED2422X3 | 06/04/1997 |             |              |              |           | CT      |        |
| 15  | DC2422X727 | PHẠM THỊ MINH THU     | ED2422X3 | 07/11/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2422X730 | LÊ VĂN TRƯỜNG         | ED2422X3 | 13/01/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2422X732 | ĐẶNG DIỄM TƯỜNG       | ED2422X3 | 20/10/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2422X733 | CAO PHƯƠNG UYÊN       | ED2422X3 | 07/09/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2522X103 | LÊ NGUYỄN KHOA ĐĂNG   | ET2522X1 | 18/10/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2522X301 | PHAN THÀNH ĐẠT        | ED2522X1 | 08/01/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2522X602 | LƯƠNG NGỌC HẢI        | EC2522X2 | 22/04/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2522X608 | HUỖNH THỊ YẾN NGỌC    | EC2522X2 | 24/10/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC2522X609 | NGUYỄN XUÂN NGUYỄN    | EC2522X2 | 16/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC2522X611 | TRẦN THỊ HUỖNH NHƯ    | EC2522X2 | 24/10/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | DC2522X612 | NGUYỄN HỒNG PHÚC      | EC2522X2 | 10/06/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 26  | DC2522X617 | HOA ANH THU           | EC2522X2 | 02/04/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 27  | DC2522X621 | TRẦN BÌNH TƯỜNG       | EC2522X2 | 01/06/2001 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 27 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Hệ thống thông tin kế toán 1**

Mã học phần: **KT370**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **001986 - Nguyễn Thúy An**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **10g05**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED2520X3**

Phòng thi: **103**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | CT2520X419 | PHAN THỊ NGỌC THÙY    | EP2520X2 | 24/12/2006 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2520X401 | NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH  | EP2520X2 | 28/07/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2520X407 | LƯƠNG LÊ HỒNG NGA     | EP2520X2 | 15/03/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2520X408 | ĐẶNG THỊ THANH NGÂN   | EP2520X2 | 14/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2520X421 | LÊ THỊ MINH THƯ       | EP2520X2 | 15/08/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2520X424 | BÙI THỊ TƯỜNG VÂN     | EP2520X2 | 25/07/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2520X501 | NGUYỄN TẠ QUÍ LAN     | ET2520X2 | 23/02/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2520X525 | VÕ THỊ TRÚC THANH     | ET2520X2 | 23/06/1991 |             |              |              |           | CT      |        |
| 9   | DC2520X706 | NGUYỄN THỊ CẨM GIỀNG  | ED2520X2 | 19/09/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2520X714 | TRẦN THỊ LỜI          | ED2520X2 | 15/11/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2520X723 | NGUYỄN THỊ NHẬT QUỲNH | ED2520X2 | 27/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2520X732 | MAI QUỐC VINH         | ED2520X2 | 09/12/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2520X774 | CHÂU THỊ NGỌC BÍCH    | EC2520X3 | 13/11/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2520X775 | TRẦN THỊ HỒNG CÁT     | EC2520X3 | 20/05/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2520X778 | NGUYỄN GIA HÂN        | EC2520X3 | 15/06/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 16  | DC2520X782 | NGUYỄN NGỌC NHI       | EC2520X3 | 15/03/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2520X785 | ĐỖ BỬU TÂM            | EC2520X3 | 13/07/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2520X786 | NGUYỄN THỊ KIỀU TIÊN  | EC2520X3 | 15/06/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2520X787 | LÊ ĐÌNH HƯƠNG TRANG   | EC2520X3 | 06/10/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2520X791 | LÂM TỔ UYÊN           | EC2520X3 | 16/07/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2520X802 | LÂM NHƯ NGỌC          | ED2520X3 | 22/04/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2520X824 | NGUYỄN TƯỜNG VI       | ED2520X3 | 13/04/1997 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 22 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Kế toán hành chính sự nghiệp**  
CBGD: **001987 - Trần Quế Anh**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **10g05**  
Lớp: **EC2520X2**

Mã học phần: **KT373** Nhóm: **3E01**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2420X504 | PHAN PHƯƠNG YẾN NHI  | EP2420X3 | 27/08/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2420X506 | LÊ HOÀNG OANH        | EP2420X3 | 17/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2420X823 | TRẦN MINH THÀNH      | ED2420X3 | 08/06/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2520X107 | LÊ THỊ HỒNG LOAN     | ET2520X1 | 01/03/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2520X306 | TRẦN THỊ PHƯƠNG HỒNG | ED2520X1 | 10/05/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2520X623 | LÊ THỊ HỒNG LINH     | EC2520X2 | 13/09/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2520X624 | TÔ ĐỖ THANH LOAN     | EC2520X2 | 04/09/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2520X626 | CAO THỊ CHÚC LY      | EC2520X2 | 24/07/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2520X627 | ĐÀO HOÀNG MAI        | EC2520X2 | 27/05/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2520X635 | LÝ THU THẢO          | EC2520X2 | 30/01/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2520X636 | NGUYỄN LÊ THU THẢO   | EC2520X2 | 10/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2520X639 | NGUYỄN HOÀNG THẮNG   | EC2520X2 | 28/10/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2520X640 | LÊ THỊ MỸ THIÊN      | EC2520X2 | 27/12/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2520X644 | TẠ HOÀNG PHƯƠNG TRÂM | EC2520X2 | 23/11/1992 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 14 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Nghệp vụ ngân hàng doanh nghiệp**

Mã học phần: **KT460**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **002222 - Trần Thị Hạnh Phúc**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **10g05**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ET2521X1**

Phòng thi: **104**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2521X100 | TRẦN NHẬT CUỒNG       | ET2521X1 | 21/10/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2521X110 | ĐỖ THỊ XUYỀN          | ET2521X1 | 26/07/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2521X302 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH     | ED2521X1 | 10/05/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2521X304 | TRIỆU THÙY DUNG       | ED2521X1 | 25/12/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2521X312 | VÕ ĐĂNG KHOA          | ED2521X1 | 05/12/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2521X327 | NGUYỄN THỊ ĐOAN TRANG | ED2521X1 | 21/01/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2521X338 | LÝ KIM Ý              | ED2521X1 | 20/02/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | NS2521X103 | LÊ THỊ HỒNG HUỆ       | ET2521X1 | 04/09/2004 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 8 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Quản lý dịch bệnh trên đàn gia súc và Một sức khỏe**

Mã học phần: **NS271**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **002186 - Nguyễn Phúc Khánh**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **10g05**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **EC2567X1**

Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2467X500 | THÁI CÔNG DANH      | EP2467X3 | 07/12/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2467X502 | NGUYỄN VĂN THÁI     | EP2467X3 | 15/10/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2467X608 | NGUYỄN VĂN BIÊN     | ED2467X3 | 29/09/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 4   | DC2467X619 | NGUYỄN VĂN KHÁNH    | ED2467X3 | 05/02/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2467X622 | TRẦN GIA TIẾN       | ED2467X3 | 19/11/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2467X626 | TRẦN NGUYỄN GIA HÂN | ED2467X3 | 13/11/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2567X217 | PHẠM THANH HIẾU     | EC2567X1 | 01/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2567X262 | LÊ NHỰT TRƯỜNG      | EC2567X1 | 27/04/2001 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 8 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Sinh học động vật**  
CBGD: **002699 - Vũ Ngọc Minh Thư**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **10g05**  
Lớp: **ED2667X1**

Mã học phần: **NS276**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **108**

Nhóm: **3E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2667X004 | LÊ HOÀI KHƯƠNG       | ET2667X1 | 03/04/2006 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2667X005 | TRẦN CHÍ LÂM         | ET2667X1 | 18/05/2007 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2667X055 | TRẦN CẨM ĐÀO         | ED2667X1 | 20/11/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2667X062 | LƯU NGUYỄN HẠNH      | ED2667X1 | 18/09/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2667X067 | NGUYỄN PHAN NGỌC LAM | ED2667X1 | 27/10/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2667X078 | TRỊNH QUANG NHỰT     | ED2667X1 | 01/01/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2667X084 | LÝ MỸ THÙY           | ED2667X1 | 24/10/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2667X088 | BÙI QUỐC VINH        | ED2667X1 | 26/01/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2667X115 | NGUYỄN THÀNH NHƯ     | EC2667X1 | 15/06/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2667X123 | HÀNG HỮU TÀI         | EC2667X1 | 08/03/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2667X130 | NGUYỄN MINH THƯƠNG   | EC2667X1 | 29/10/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2667X133 | NGUYỄN HUỲNH TRẦN    | EC2667X1 | 05/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2667X143 | NGUYỄN NGỌC QUẾ ANH  | EC2667X1 | 02/09/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2667X152 | VÕ QUỐC HỮU          | EC2667X1 | 18/01/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2667X166 | LÊ THỊ KIM THOA      | EC2667X1 | 12/10/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2667X168 | NGUYỄN NGỌC TRANG    | EC2667X1 | 01/07/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2667X169 | TRẦN THỊ BẢO TRẦN    | EC2667X1 | 24/03/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2667X170 | NGÔ TÚ TRINH         | EC2667X1 | 29/06/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2667X174 | PHẠM THỊ ÁNH TUYẾT   | EC2667X1 | 16/06/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DG2667X079 | LÊ THỊ HÀ PHƯƠNG     | ED2667X1 | 17/01/2002 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 20 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Tuyển trùng nông nghiệp**

Mã học phần: **NS307**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **002727 - Nguyễn Văn Sinh**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **10g05**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED2573X2**

Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2573X015 | CHÂU THỊ NHƯ Ý       | EC2573X2 | 26/10/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2573X102 | LÊ HÒA HÙNG          | ED2573X2 | 02/01/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2573X111 | TRẦN NGUYỄN NGỌC ANH | ED2573X2 | 03/02/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2573X117 | UNG PHI HỌC          | ED2573X2 | 30/11/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2573X118 | ĐỖ VĂN HỘI           | ED2573X2 | 01/01/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2573X119 | ĐẶNG ĐÌNH HUY        | ED2573X2 | 28/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2573X125 | VÕ PHÚC LÊ           | ED2573X2 | 08/09/1978 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2573X126 | LÊ THỊ THẢO NGÂN     | ED2573X2 | 20/02/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2573X134 | NGUYỄN THỊ CẨM THỊ   | ED2573X2 | 15/05/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2573X136 | NGUYỄN MINH THƯƠNG   | ED2573X2 | 19/04/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | NS2573X113 | ĐOÀN THỊ DIỄM        | ED2573X2 | 17/12/1982 |             |              |              |           | CT      |        |
| 12  | ST2573X104 | LÂM MINH NGHĨA       | ED2573X2 | 03/01/1992 |             |              |              |           | CT      |        |

*Tổng số: 12 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Xã hội học đại cương  
CBGD: 002549 - Ngô Thị Thanh Thúy  
Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 10g05  
Lớp: EP2422X1

Mã học phần: XH028 Nhóm: 3E01

Số tín chỉ: 2  
Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)  
Phòng thi: 101

Trang 1/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | CM23V1X532 | LÊ TRẦN ANH THU'      | EP23V1X2 | 27/10/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2232X658 | NGUYỄN TRẦN THẾ VINH  | ET2332X1 | 25/08/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2322X020 | PHẠM THỊ LAN OANH     | EP2322X1 | 07/09/2001 |             |              |              |           | CT      |        |
| 4   | DC2367X008 | PHẠM THANH TÔNG       | EP2367X1 | 08/10/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC23V1X502 | THÁI BÌNH             | EP23V1X2 | 20/01/2001 |             |              |              |           | CT      |        |
| 6   | DC23V1X508 | HUỲNH THẾ KÍNH        | EP23V1X2 | 23/01/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC23V1X509 | NGUYỄN NGỌC KIM NGÂN  | EP23V1X2 | 29/03/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC23V1X514 | VÕ THỊ Ý NHƯ'         | EP23V1X2 | 08/01/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC23V1X515 | LÝ NGỌC NHƯ'          | EP23V1X2 | 15/06/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC23V1X526 | NGÔ HẢI ĐĂNG          | EP23V1X2 | 26/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC23V1X529 | HUỲNH NGUYỄN GIA MINH | EP23V1X2 | 08/11/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC23V1X535 | HUỲNH NGUYỄN GIA LINH | EP23V1X2 | 13/08/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2420X002 | NGUYỄN THỊ THÚY LOAN  | EP2420X1 | 17/12/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2420X003 | NGUYỄN HOÀNG OANH     | EP2420X1 | 13/03/2004 |             |              |              |           | CT      |        |
| 15  | DC2420X020 | PHẠM KIỀU DIỄM        | EP2420X1 | 15/02/1991 |             |              |              |           | CT      |        |
| 16  | DC2421X005 | LÊ LAN ANH            | EP2421X1 | 22/11/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2422X003 | TRẦN LÊ NHỰT ANH      | EP2422X1 | 28/06/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 18  | DC2422X008 | NGUYỄN THỊ THÚY DUY   | EP2422X1 | 09/05/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2422X012 | NGUYỄN TRỌNG HIẾU     | EP2422X1 | 15/12/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2422X014 | PHÙNG THỊ KIM LIÊN    | EP2422X1 | 12/09/1979 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2422X023 | ĐUỜNG THỊ MINH THU'   | EP2422X1 | 09/03/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2422X028 | DANH NGUYỄN CẨM TÚ    | EP2422X1 | 24/03/2000 |             |              |              |           | CT      |        |
| 23  | DC2422X039 | PHẠM THANH TÂN        | EP2422X1 | 26/12/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC2422X041 | TỪ TRÚC VY            | EP2422X1 | 15/01/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | DC2422X101 | NGÔ NGỌC GIÀO         | ET2422X1 | 16/03/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 26  | DC2422X102 | NGUYỄN VŨ MINH LONG   | ET2422X1 | 22/02/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 27  | DC2422X104 | TRẦN NGUYỄN TRUNG     | ET2422X1 | 29/05/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 28  | DC2432X001 | NGUYỄN NHƯ BĂNG       | EP2432X1 | 05/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 29  | DC2432X015 | VÕ NGỌC TUYỀN         | EP2432X1 | 14/07/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 30  | DC2432X016 | LÊ NGUYỄN NGỌC SƯƠNG  | EP2432X1 | 01/11/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 31  | DC2432X047 | LÊ THỊ TRÚC LY        | EP2432X1 | 19/02/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 32  | DC2432X108 | NGUYỄN THỊ KIỀU NƯƠNG | ET2432X1 | 17/11/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 33  | DC2432X112 | DƯƠNG THANH TÙNG      | ET2432X1 | 18/02/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 34  | DC2432X118 | HUỲNH NGỌC SANG       | EP2432X1 | 02/12/1988 |             |              |              |           |         |        |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Xã hội học đại cương**  
CBGD: **002549 - Ngô Thị Thanh Thúy**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **10g05**  
Lớp: **EP2422X1**

Mã học phần: **XH028**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **101**

Nhóm: **3E01**

Trang 2/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên          | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 35  | DC2432X157 | DƯƠNG TỬ THIÊN     | EP2432X2 | 17/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 36  | DC2432X164 | DƯƠNG CÔNG ĐÌNH    | EP2432X2 | 20/10/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 37  | DC2432X186 | PHẠM QUANG NHẬT    | EP2432X2 | 11/04/1999 |             |              |              |           | CT      |        |
| 38  | DC2432X188 | PHẠM LÊ TÀI        | EP2432X2 | 30/10/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 39  | DC2432X203 | NGUYỄN HOÀNG ẪN    | ED2432X1 | 20/06/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 40  | DC2432X504 | CAO NGỌC KIM LÝ    | ED2432X2 | 18/09/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 41  | DC2432X545 | LÊ KIM ĐÌNH        | ED2432X2 | 28/08/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 42  | DC2432X570 | TRẦN HOÀNG MINH    | ED2432X2 | 18/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 43  | DC2432X580 | NGUYỄN HUỖNH NHƯ   | ED2432X2 | 13/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 44  | DC2432X581 | NGUYỄN HÀ TẤN PHÁT | ED2432X2 | 31/10/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 45  | DC2432X595 | PHẠM THỊ THƠ       | ED2432X2 | 06/07/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 46  | DC2432X604 | VÕ NGỌC TIỀN       | ED2432X2 | 19/03/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 47  | DC2432X632 | TRẦN TUẤN KHANH    | ED2432X2 | 16/01/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 48  | KT2122X398 | PHAN VÕ THU PHƯƠNG | EP2422X1 | 28/11/1997 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 48 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Ngữ dụng học - Anh văn**  
CBGD: **700723 - Nguyễn Thị Việt Anh**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **10g05**  
Lớp: **EC25V1X1**

Mã học phần: **XH454E** Nhóm: **3E01**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **103**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                    | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | BL25V1X201 | NGUYỄN TÚ ANH                | EC25V1X1 | 19/11/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC24V1X949 | NGUYỄN ÁNH PHÚC              | EP24V1X3 | 19/01/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC24V1X950 | NGUYỄN VIỆT TUYẾT QUỲN CHIÊU | EP24V1X3 | 16/06/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC24V1X952 | LÝ CHÂU GIA KHANG            | EP24V1X3 | 25/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC24V1X955 | PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG           | EP24V1X3 | 16/09/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC24V1X956 | VÕ HUỖNH ANH                 | EP24V1X3 | 28/02/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC25V1X204 | NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG         | EC25V1X1 | 20/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC25V1X214 | NGÔ TRIỆU ĐIỂM HUỖN          | EC25V1X1 | 20/02/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC25V1X221 | NGUYỄN THỊ PHƯỢNG LIÊN       | EC25V1X1 | 03/02/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC25V1X223 | HUỖNH THỊ LƯ                 | EC25V1X1 | 17/09/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC25V1X226 | ĐỖ CHÍ NAM                   | EC25V1X1 | 24/12/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC25V1X231 | DƯƠNG THỊ YẾN NHI            | EC25V1X1 | 17/02/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC25V1X241 | NGUYỄN ĐIỂN NGUYỆT THANH     | EC25V1X1 | 24/10/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC25V1X249 | TRẦN NGUYỄN MINH THƯ         | EC25V1X1 | 27/04/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC25V1X255 | LÊ NGUYỄN NGỌC TRẦN          | EC25V1X1 | 05/07/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC25V1X261 | SƠN NGỌC UYÊN                | EC25V1X1 | 22/11/1996 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 16 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Ngữ dụng học - Anh văn

Mã học phần: XH454E

Nhóm: 3E02

CBGD: 700723 - Nguyễn Thị Việt Anh

Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 10g05

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: ED24V1X9

Phòng thi: 106

Trang 1/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC24V1X047 | VŨ THÙY DƯƠNG          | ED24V1X9 | 11/10/1982 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC24V1X821 | TRƯƠNG THỊ BÍCH LIÊN   | ED24V1X9 | 08/01/1982 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC24V1X822 | NGUYỄN THỊ KIM HÀ      | ED24V1X9 | 10/06/1982 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC24V1X959 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGHI | ED24V1X9 | 23/06/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC24V1X961 | PHẠM DIỄM MY           | ED24V1X9 | 18/11/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC24V1X963 | BÙI KIM TRANG          | ED24V1X9 | 19/09/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC24V1X964 | NGUYỄN HUỆ NHÀN        | ED24V1X9 | 20/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC24V1X965 | DƯƠNG TRỌNG TÍN        | ED24V1X9 | 09/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC24V1X967 | NGUYỄN NGỌC HÂN        | ED24V1X9 | 20/12/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC24V1X968 | VÕ NHƯ QUỲNH           | ED24V1X9 | 04/12/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC24V1X969 | LÊ QUỐC TRỰC           | ED24V1X9 | 19/03/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC24V1X970 | ĐOÀN THỊ THÙY HIỀN     | ED24V1X9 | 18/11/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC24V1X971 | NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC   | ED24V1X9 | 27/02/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC24V1X972 | NGUYỄN THỊ CẨM TÚ      | ED24V1X9 | 07/07/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC24V1X974 | NGUYỄN QUỐC HUY        | ED24V1X9 | 21/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC24V1X977 | PHẠM PHƯỚC TOÀN        | ED24V1X9 | 18/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC24V1X979 | DƯƠNG HOÀI GIAO HÀ     | ED24V1X9 | 11/08/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC24V1X981 | PHAN THỊ XA ĐẾT HAI    | ED24V1X9 | 03/09/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC24V1X982 | TRƯƠNG THẢO NGỌC       | ED24V1X9 | 25/02/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC24V1X983 | LÊ THỊ CẨM EM          | ED24V1X9 | 09/08/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC24V1X984 | TRẦN THỊ DIỄM HẰNG     | ED24V1X9 | 06/05/1991 |             |              |              |           | CT      |        |
| 22  | DC24V1X985 | NGUYỄN THỊ BÍCH THIÊN  | ED24V1X9 | 15/04/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC24V1X987 | HUỲNH LÊ XUÂN ÁI       | ED24V1X9 | 14/11/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC24V1X988 | LÊ ĐỨC LƯU             | ED24V1X9 | 23/10/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | DC24V1X989 | MAI THỊ THANH TRÚC     | ED24V1X9 | 15/03/1985 |             |              |              |           | CT      |        |
| 26  | DC24V1X990 | NGÔ CHÍ QUANG          | ED24V1X9 | 11/12/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 27  | DC24V1X993 | TRẦN MỸ NGỌC           | ED24V1X9 | 21/12/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 28  | DC24V1X995 | PHẠM THỊ BÍCH          | ED24V1X9 | 10/04/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 29  | DC24V1X997 | HÀ THỊ THÙY DƯƠNG      | ED24V1X9 | 05/12/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 30  | DC24V1X998 | NGUYỄN VĂN NHẤT NAM    | ED24V1X9 | 10/11/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 31  | DC24V1X999 | LÂM THỊ QUỲNH NHƯ      | ED24V1X9 | 10/05/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 32  | FL24V1X901 | NGUYỄN THANH THẢO      | ED24V1X9 | 06/06/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 33  | FL24V1X902 | TRẦN THỊ THOẠI MỸ      | ED24V1X9 | 23/07/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 34  | FL24V1X903 | LŨ THIÊN PHÚC          | ED24V1X9 | 25/02/1986 |             |              |              |           |         |        |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Ngữ dụng học - Anh văn**

Mã học phần: **XH454E**

Nhóm: **3E02**

CBGD: **700723 - Nguyễn Thị Việt Anh**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **10g05**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED24V1X9**

Phòng thi: **106**

Trang 2/2

| Stt | MSSV       | Họ và tên                  | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 35  | FL24V1X905 | MAI NGỌC THUY NHÂN         | ED24V1X9 | 21/01/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 36  | FL24V1X906 | ĐINH THY VÂN ANH           | ED24V1X9 | 29/05/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 37  | FL24V1X907 | PHẠM PHƯƠNG HIẾU           | ED24V1X9 | 11/06/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 38  | FL24V1X911 | PHẠM LÊ HUYỀN TRANG        | ED24V1X9 | 28/03/1990 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 39  | FL24V1X914 | PHẠM THỊ KIM NGÂN          | ED24V1X9 | 02/07/1990 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 40  | FL24V1X915 | ĐỖ THU UYÊN                | ED24V1X9 | 20/08/1993 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 41  | FL24V1X916 | NGUYỄN THỊ MINH NGỌC       | ED24V1X9 | 15/10/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 42  | FL24V1X918 | HUỲNH MINH TÍNH            | ED24V1X9 | 06/06/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 43  | FL24V1X920 | HỒ NHỰT MINH               | ED24V1X9 | 13/08/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 44  | FL24V1X921 | TRẦN HẢI THIÊN             | ED24V1X9 | 27/03/1998 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 45  | FL24V1X922 | VÕ THỊ QUẾ ANH             | ED24V1X9 | 30/05/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 46  | FL24V1X923 | NGUYỄN THỊ TRÀ MY          | ED24V1X9 | 05/09/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 47  | FL24V1X926 | NGUYỄN THỊ HẬU             | ED24V1X9 | 09/04/1998 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 48  | FL24V1X928 | LÊ THỊ CẨM HẰNG            | ED24V1X9 | 20/09/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 49  | FL24V1X931 | NGUYỄN QUÁCH NGỌC<br>TUYÊN | ED24V1X9 | 27/08/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 50  | FL24V1X932 | PHẠM LÊ HUYỀN TRÂN         | ED24V1X9 | 01/12/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 51  | FL24V1X933 | ĐỖ NGỌC HOÀI THƯƠNG        | ED24V1X9 | 21/11/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 52  | FL24V1X934 | NGUYỄN THỊ MINH LÝ         | ED24V1X9 | 29/10/1988 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 53  | FL24V1X935 | LÂM THỊ ĐIỀU               | ED24V1X9 | 09/03/1986 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 54  | FL24V1X936 | THẠCH NGÔ NGUYỆT MINH      | ED24V1X9 | 04/11/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 55  | FL24V1X937 | VÕ THÀNH THÁI              | ED24V1X9 | 01/08/1983 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 56  | FL24V1X940 | NGUYỄN NHỰT BĂNG           | ED24V1X9 | 11/02/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 57  | FL24V1X941 | LÂM TRANG HOÀNG<br>THANH   | ED24V1X9 | 19/09/1986 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 58  | FL24V1X942 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN      | ED24V1X9 | 15/03/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |

Tổng số: 58 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Ngữ dụng học - Anh văn

Mã học phần: XH454E

Nhóm: 3E03

CBGD: 700723 - Nguyễn Thị Việt Anh

Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 10g05

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: ED24V1XX

Phòng thi: 108

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên          | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | FL24V1X955 | NGUYỄN THỊ MAI ANH | ED24V1XX | 06/11/1993 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 1 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi



DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Quản lý sản xuất công nghiệp

Mã học phần: CN340

Nhóm: 3E01

CBGD: 002373 - Nguyễn Văn Cần

Số tín chỉ: 3

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 13g20

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: ED26D5X1

Phòng thi: 104

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | DC26D5X003 | NGUYỄN TUẤN KIẾT    | ED26D5X1 | 06/03/2005 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 2   | DC26D5X004 | HUỲNH THỊ NGỌC LIÊN | ED26D5X1 | 13/07/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 3   | DC26D5X006 | LÊ VÕ TRUNG NGUYỄN  | ED26D5X1 | 21/01/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 4   | DC26D5X007 | KHUƠNG HOÀNG PHÚC   | ED26D5X1 | 27/12/1998 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 5   | DC26D5X009 | NGUYỄN QUỐC THẮNG   | ED26D5X1 | 22/05/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 6   | DC26D5X011 | NGUYỄN KIỀU TRANG   | ED26D5X1 | 18/12/2005 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 7   | DC26D5X024 | NGUYỄN HỒNG TƯƠI    | ED26D5X1 | 04/01/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 8   | DC26D5X029 | PHẠM NGỌC VIỄN      | ED26D5X1 | 17/04/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |

Tổng số: 8 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Đọc - Viết C1.1**  
CBGD: **001138 - Nguyễn Minh Thành**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **13g20**  
Lớp: **EC25V1X2**

Mã học phần: **FL208**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **105**

Nhóm: **3E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên               | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | BK25V1X155 | VÕ HOÀNG PHÁT           | EC25V1X2 | 09/09/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC25V1X008 | TRẦN TỬ GIANG           | EP25V1X1 | 26/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC25V1X009 | NGUYỄN KIM HẠNH         | EP25V1X1 | 09/03/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC25V1X030 | NGUYỄN NGỌC TRANG THANH | EP25V1X1 | 13/11/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC25V1X031 | NGUYỄN TRỌNG TÍN        | EP25V1X1 | 02/07/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC25V1X035 | LÊ THỊ HUYỀN TRÂN       | EP25V1X1 | 25/05/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC25V1X039 | LUU KIM KHÁNH           | EP25V1X1 | 01/09/2006 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC25V1X105 | NGUYỄN HỮU ĐANG         | ET25V1X1 | 10/06/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC25V1X123 | NGUYỄN THANH THÚY       | ET25V1X1 | 03/08/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC25V1X134 | LÊ THỊ MỘNG BÌNH        | EC25V1X2 | 19/09/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC25V1X139 | HUỲNH THỊ CẨM GIÀU      | EC25V1X2 | 26/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC25V1X143 | NGUYỄN QUỐC LĨNH        | EC25V1X2 | 27/01/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC25V1X144 | HÀ THỊ TRÚC MAI         | EC25V1X2 | 16/02/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC25V1X145 | LUU HÙNG MINH           | EC25V1X2 | 17/08/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC25V1X154 | NGUYỄN VƯƠNG BÍCH NHƯ   | EC25V1X2 | 16/01/2004 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 15 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Đọc - Viết C1.1**

Mã học phần: **FL208**

Nhóm: **3E02**

CBGD: **001138 - Nguyễn Minh Thành**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **13g20**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED25V1X2**

Phòng thi: **106**

Trang 1/3

| Stt | MSSV       | Họ và tên                  | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|---------|--------|
| 1   | CM25V1X441 | NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG<br>NGHI | ED25V1X2 | 20/07/2002 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 2   | DC24V1X621 | LÊ VĂN LÊ                  | ED24V1X4 | 13/08/1990 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 3   | DC24V1X648 | TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ         | ED24V1X4 | 21/08/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 4   | DC25V1X300 | PHẠM HUỲNH THU AN          | ED25V1X1 | 21/01/1996 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 5   | DC25V1X301 | KHUẤT THỊ TÚ ANH           | ED25V1X1 | 10/11/1997 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 6   | DC25V1X302 | NGUYỄN NGỌC KIM ANH        | ED25V1X1 | 17/10/1996 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 7   | DC25V1X303 | TRẦN NGỌC LAN ANH          | ED25V1X1 | 17/11/1999 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 8   | DC25V1X304 | LÊ HOÀNG ÂN                | ED25V1X1 | 07/02/1998 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 9   | DC25V1X305 | BÙI THẾ BẢO                | ED25V1X1 | 05/11/1996 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 10  | DC25V1X307 | PHẠM THỊ HỒNG CHÚC         | ED25V1X1 | 22/12/1991 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 11  | DC25V1X308 | PHẠM THỊ KIM CƯƠNG         | ED25V1X2 | 23/05/1992 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 12  | DC25V1X309 | NGUYỄN VĂN CUỒNG           | ED25V1X1 | 09/07/1984 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 13  | DC25V1X310 | CHÂU HỒNG DIỄM             | ED25V1X1 | 07/02/1995 |                   |                    |                    |              | CT      |        |
| 14  | DC25V1X313 | LÊ HUỲNH KIM DƯƠNG         | ED25V1X1 | 18/08/2000 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 15  | DC25V1X315 | CÔ VĂN GẦN                 | ED25V1X2 | 19/02/1996 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 16  | DC25V1X316 | LÝ A GIA                   | ED25V1X2 | 22/11/1999 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 17  | DC25V1X319 | NGUYỄN THỊ NGUYỆT HẰNG     | ED25V1X2 | 02/03/1995 |                   |                    |                    |              | CT      |        |
| 18  | DC25V1X323 | NGUYỄN VIỆT HIỆU           | ED25V1X1 | 08/12/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 19  | DC25V1X326 | NGUYỄN ĐĂNG HUY            | ED25V1X1 | 29/01/2000 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 20  | DC25V1X327 | NGUYỄN THÁI HUY            | ED25V1X1 | 01/07/1996 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 21  | DC25V1X329 | NGUYỄN NGỌC HUYỀN          | ED25V1X1 | 01/12/1987 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 22  | DC25V1X333 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG           | ED25V1X1 | 17/05/1990 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 23  | DC25V1X334 | ĐỖ ĐỨC KHANG               | ED25V1X1 | 17/09/1999 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 24  | DC25V1X336 | NGUYỄN DUY KHÁNH           | ED25V1X1 | 04/10/1993 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 25  | DC25V1X338 | LÊ HUỲNH VŨ LIÊM           | ED25V1X1 | 08/05/2000 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 26  | DC25V1X341 | LÊ THỊ HOÀNG MY            | ED25V1X1 | 12/10/1998 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 27  | DC25V1X342 | HOÀNG THỊ KIM NGÂN         | ED25V1X2 | 26/05/1995 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 28  | DC25V1X343 | NGUYỄN NGỌC KIM NGÂN       | ED25V1X1 | 17/02/1996 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 29  | DC25V1X344 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN        | ED25V1X1 | 27/09/1999 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 30  | DC25V1X345 | CAO THỊ THUY NGÂN          | ED25V1X2 | 23/04/2001 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 31  | DC25V1X346 | ĐẶNG LƯU KHÁNH NGỌC        | ED25V1X1 | 14/12/1991 |                   |                    |                    |              |         |        |
| 32  | DC25V1X347 | TRẦN NGUYỄN YẾN NGỌC       | ED25V1X1 | 12/10/1997 |                   |                    |                    |              | CT      |        |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Độc - Viết C1.1**

Mã học phần: **FL208**

Nhóm: **3E02**

CBGD: **001138 - Nguyễn Minh Thành**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **13g20**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED25V1X2**

Phòng thi: **106**

Trang 2/3

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 33  | DC25V1X349 | NGUYỄN THỊ THANH NHÀN | ED25V1X1 | 16/08/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 34  | DC25V1X350 | BÀNH DƯƠNG YẾN NHI    | ED25V1X2 | 16/07/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 35  | DC25V1X355 | HUỖNH THỊ CẨM NHUNG   | ED25V1X2 | 28/09/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 36  | DC25V1X356 | ĐU' THỊ HUỖNH NHƯ'    | ED25V1X1 | 30/11/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 37  | DC25V1X360 | NGUYỄN MINH PHƯƠNG    | ED25V1X1 | 27/11/1996 |             |              |              |           | CT      |        |
| 38  | DC25V1X361 | TIỀN NGUYỄN HẢI QUYỀN | ED25V1X1 | 28/10/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 39  | DC25V1X363 | KHƯƠNG ANH TẤN        | ED25V1X1 | 26/11/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 40  | DC25V1X366 | NGÔ NGỌC THẢO         | ED25V1X1 | 21/06/1979 |             |              |              |           |         |        |
| 41  | DC25V1X371 | LÊ THANH THÚY         | ED25V1X1 | 11/06/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 42  | DC25V1X374 | MÃ NGỌC DIỄM TIỀN     | ED25V1X1 | 17/09/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 43  | DC25V1X380 | BÙI THỊ NGỌC TÚ       | ED25V1X1 | 25/04/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 44  | DC25V1X381 | LÊ CẨM TÚ             | ED25V1X1 | 27/04/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 45  | DC25V1X383 | NGUYỄN GIA THÔNG TUỆ  | ED25V1X1 | 15/12/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 46  | DC25V1X384 | TRẦN MỸ TUYẾN         | ED25V1X1 | 11/11/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 47  | DC25V1X385 | VÕ THỊ HỒNG TUYẾT     | ED25V1X2 | 19/09/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 48  | DC25V1X386 | ĐẶNG GIA UYÊN         | ED25V1X1 | 14/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 49  | DC25V1X391 | CHÂU HOÀNG THANH VY   | ED25V1X1 | 25/04/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 50  | DC25V1X400 | ĐẶNG NGUYỄN KIM ANH   | ED25V1X2 | 24/10/1996 |             |              |              |           | CT      |        |
| 51  | DC25V1X401 | TRƯƠNG QUỐC BẢO       | ED25V1X2 | 23/06/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 52  | DC25V1X402 | NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH  | ED25V1X2 | 25/07/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 53  | DC25V1X403 | VÕ VĂN BÌNH           | ED25V1X2 | 01/01/1975 |             |              |              |           |         |        |
| 54  | DC25V1X404 | NGUYỄN VĂN CƯỜNG      | ED25V1X2 | 24/07/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 55  | DC25V1X410 | NGUYỄN TRẦN TẤN ĐẠT   | ED25V1X2 | 04/10/1995 |             |              |              |           | CT      |        |
| 56  | DC25V1X416 | HUỖNH LÊ NHỰT HÀO     | ED25V1X2 | 01/01/1998 |             |              |              |           | CT      |        |
| 57  | DC25V1X422 | NGUYỄN HỒ HUY         | ED25V1X2 | 03/12/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 58  | DC25V1X424 | NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG  | ED25V1X2 | 17/05/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 59  | DC25V1X425 | HUỖNH BÁ KHẢI         | ED25V1X2 | 26/09/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 60  | DC25V1X426 | TRỊNH QUỐC KHÁNH      | ED25V1X2 | 01/06/1998 |             |              |              |           | CT      |        |
| 61  | DC25V1X431 | NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN  | ED25V1X2 | 30/08/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 62  | DC25V1X434 | ĐẶNG BẢO LỘC          | ED25V1X2 | 01/01/1979 |             |              |              |           |         |        |
| 63  | DC25V1X439 | NGUYỄN THỊ BẢO NGÂN   | ED25V1X2 | 05/06/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 64  | DC25V1X443 | NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC   | ED25V1X2 | 27/08/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 65  | DC25V1X445 | NGUYỄN THANH NHÀN     | ED25V1X2 | 19/07/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 66  | DC25V1X446 | TRƯƠNG NGỌC NHI       | ED25V1X2 | 26/05/1994 |             |              |              |           |         |        |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Độc - Viết C1.1**  
CBGD: **001138 - Nguyễn Minh Thành**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **13g20**  
Lớp: **ED25V1X2**

Mã học phần: **FL208**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **106**

Nhóm: **3E02**

Trang 3/3

| Stt | MSSV       | Họ và tên                | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 67  | DC25V1X453 | CAO THỊ LAN PHƯƠNG       | ED25V1X1 | 19/10/1980 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 68  | DC25V1X456 | TRƯƠNG MINH QUÂN         | ED25V1X2 | 24/12/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 69  | DC25V1X457 | LÊ THỊ QUỲNH             | ED25V1X2 | 25/05/1981 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 70  | DC25V1X458 | PHẠM THANH SANG          | ED25V1X2 | 02/12/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 71  | DC25V1X462 | NGUYỄN NGỌC TÀI          | ED25V1X2 | 08/10/1998 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 72  | DC25V1X463 | PHAN VĂN TÀI             | ED25V1X2 | 10/10/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 73  | DC25V1X465 | TRẦN VĂN TẤN             | ED25V1X2 | 01/01/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 74  | DC25V1X466 | ĐINH THỊ KIM THANH       | ED25V1X2 | 10/09/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 75  | DC25V1X469 | LÊ PHƯỚC THỊNH           | ED25V1X2 | 06/01/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 76  | DC25V1X471 | NGUYỄN MINH THÙY         | ED25V1X2 | 24/07/1990 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 77  | DC25V1X472 | PHAN THỊ KIM THÚY        | ED25V1X2 | 28/06/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 78  | DC25V1X475 | VÕ THỊ HỒNG THƯ          | ED25V1X2 | 05/12/1993 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 79  | DC25V1X476 | NGUYỄN THỊ MỸ TIỀN       | ED25V1X2 | 20/10/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 80  | DC25V1X481 | LÊ THỊ NGỌC TRÂM         | ED25V1X2 | 13/12/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 81  | DC25V1X483 | NGUYỄN THỊ MAI TRINH     | ED25V1X2 | 11/01/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 82  | DC25V1X484 | TRẦN THỊ THANH TRÚC      | ED25V1X2 | 02/11/1998 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 83  | DC25V1X485 | HUỲNH VĂN TRƯỜNG         | ED25V1X2 | 07/06/2001 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 84  | DC25V1X487 | VÕ QUỐC TUẤN             | ED25V1X2 | 11/03/1990 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 85  | DC25V1X488 | NGUYỄN HUY TÙNG          | ED25V1X2 | 25/08/1991 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 86  | DC25V1X489 | NGUYỄN VŨ PHƯƠNG<br>UYÊN | ED25V1X2 | 26/01/1998 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 87  | DC25V1X490 | NGUYỄN SĨ GIÁNG VÂN      | ED25V1X2 | 02/09/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 88  | DC25V1X491 | NGUYỄN VĂN VUI           | ED25V1X2 | 16/08/1986 |                   |                    |                    |              |            |        |

Tổng số: 88 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Mô hình ra quyết định trong chuỗi cung ứng** Mã học phần: **KC418E** Nhóm: **3E01**  
CBGD: **003017 - Nguyễn Trọng Trí Đức** Số tín chỉ: **3**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **13g20** Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Lớp: **ED24D5X1** Phòng thi: **103**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên         | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC24D5X013 | TRẦN THỊ ANH THU' | EP24D5X1 | 08/06/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC24D5X302 | LÊ THÀNH ĐẠT      | ED24D5X1 | 19/01/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC24D5X306 | ĐINH ĐIỀU HOA     | ED24D5X1 | 04/10/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC24D5X308 | NGUYỄN MINH HUẤN  | ED24D5X1 | 01/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC24D5X310 | LÝ THỊ MỸ LAN     | ED24D5X1 | 20/07/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC24D5X316 | NGUYỄN DUY THỨC   | ED24D5X1 | 13/08/1996 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 6 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Luật hình sự phần chung**

Mã học phần: **KL118**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **002392 - Nguyễn Thu Hương**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **13g20**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED2532X3**

Phòng thi: **101**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2532X405 | NGUYỄN HỨA KIM THẢO    | ED2532X1 | 04/04/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2532X847 | HỒNG THỊ MỸ NHIÊN      | ED2532X3 | 01/01/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2532X850 | NGUYỄN NGỌC YẾN        | ED2532X3 | 12/02/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2532X858 | NGUYỄN TRÍ CƯỜNG       | ED2532X3 | 24/01/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2532X861 | NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN    | ED2532X3 | 05/09/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2532X864 | PHAN TIẾN ĐẠT          | ED2532X3 | 17/08/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2532X870 | LÂM VĂN MÈNH           | ED2532X3 | 25/07/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2532X871 | LÊ VĂN MỪNG            | ED2532X3 | 15/05/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2532X875 | CHUNG KHIẾT NHI        | ED2532X3 | 06/09/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2532X877 | TRẦN CHÂU TRỌNG PHÚ    | ED2532X3 | 23/09/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2532X880 | ĐƯƠNG THỊ THANH THẢO   | ED2532X3 | 02/02/1982 |             |              |              |           | CT      |        |
| 12  | DC2532X881 | PHẠM THỊ THANH THẢO    | ED2532X3 | 01/08/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2532X882 | ĐINH QUYẾT THẮNG       | ED2532X3 | 17/12/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2532X885 | LÊ THỊ MINH THƯƠNG     | ED2532X3 | 13/10/1980 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2532X886 | HỨA THỦY TIÊN          | ED2532X3 | 02/03/1983 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2532X887 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TIÊN | ED2532X3 | 20/11/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2532X889 | NGUYỄN MINH TRÍ        | ED2532X3 | 06/03/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2532X894 | ĐẶNG XUÂN YẾN          | ED2532X3 | 15/09/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2532X895 | HUỲNH THỊ TRÚC CHI     | ET2532X3 | 06/09/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2532X908 | NGUYỄN TUẤN KIẾT       | EP2532X3 | 19/10/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2532X913 | LỮ HÀ HẠNH NGUYỄN      | EP2532X3 | 17/10/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DT2532X931 | LỮ THANH PHONG         | ED2532X3 | 10/05/1995 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 22 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Quản lý nhà nước về hộ tịch**

Mã học phần: **KL383**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **002682 - Võ Thị Phương Uyên**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **13g20**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED2432X4**

Phòng thi: **108**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên         | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2432X783 | NGUYỄN QUỐC THÁI  | EP2432X4 | 18/08/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2432X908 | TRẦN HOÀNG ANH    | ED2432X4 | 23/08/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2432X910 | TRẦN QUỐC ANH     | ED2432X4 | 04/03/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2432X930 | VÕ TRẦN ĐĂNG KHOA | ED2432X4 | 13/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2432X933 | CAO PHI YẾN LINH  | ED2432X4 | 23/09/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2432X939 | VÕ THỊ THU MỸ     | ED2432X4 | 28/08/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2432X941 | LÊ HOÀNG NAM      | ED2432X4 | 01/01/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2432X945 | ĐƯƠNG HẠNH NGUYỄN | ED2432X4 | 25/06/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2432X973 | LƯU HẠO VÂN       | ED2432X4 | 07/01/2001 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 9 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Kinh tế vĩ mô 1**

Mã học phần: **KT102**

Nhóm: **3E02**

CBGD: **002504 - Nguyễn Ngọc Đức**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **13g20**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **EP2522X3**

Phòng thi: **108**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2422X703 | TRƯƠNG LÊ TIẾN ĐẠT     | ED2422X3 | 18/12/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2520X427 | PHÙNG TIÊU CHUẨN       | EP2520X2 | 06/12/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2521X360 | TRẦN HỮU HÒA           | ED2521X3 | 18/06/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2521X363 | TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ     | ED2521X3 | 24/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2521X366 | TRẦN MINH THÁI         | ED2521X3 | 27/03/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2522X317 | NGUYỄN PHÚC KHẢI       | ED2522X1 | 12/02/1991 |             |              |              |           | CT      |        |
| 7   | DC2522X757 | PHẠM VĂN VŨ LINH       | ET2522X3 | 19/02/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2522X759 | PHAN THỊ KIỀU OANH     | ET2522X3 | 19/06/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2522X774 | NGUYỄN THANH BÌNH      | ED2522X3 | 25/07/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2522X775 | NGUYỄN HOÀNG HẢI       | ED2522X3 | 22/03/2001 |             |              |              |           | CT      |        |
| 11  | DC2522X778 | HUỲNH QUYỀN NHI        | ED2522X3 | 16/04/1997 |             |              |              |           | CT      |        |
| 12  | DC2522X787 | NGUYỄN GIA BẢO         | EP2522X3 | 19/10/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2522X792 | TRẦN TUẤN HUY          | EP2522X3 | 02/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2522X796 | ĐỖ THỊ DIỄM LY         | EP2522X3 | 01/02/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2522X797 | NGUYỄN THỊ MƠ          | EP2522X3 | 01/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2522X798 | NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN | EP2522X3 | 02/11/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2522X799 | PHẠM YẾN NHI           | EP2522X3 | 01/05/2007 |             |              |              |           | CT      |        |

Tổng số: 17 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Kinh doanh quốc tế**  
CBGD: **003003 - Nguyễn Thế Hiển**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **13g20**  
Lớp: **EC2522X1**

Mã học phần: **KT316**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **103**

Nhóm: **3E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | CT2522X208 | TRẦN THỊ TRÚC LINH     | EC2522X1 | 21/01/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | CT2522X219 | THÁI HẢI THANH         | EC2522X1 | 27/02/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2322X109 | TRẦN VĂN TẤN           | ET2322X1 | 09/11/1988 |             |              |              |           | CT      |        |
| 4   | DC2422X425 | NGŨ THIÊN NHI          | EP2422X3 | 28/06/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2422X436 | NGUYỄN XUÂN THẢO       | EP2422X3 | 29/05/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2422X445 | NGUYỄN HỮU TRÍ         | EP2422X3 | 05/07/1998 |             |              |              |           | CT      |        |
| 7   | DC2422X447 | VŨ PHẠM VÂN TRƯỜNG     | EP2422X3 | 23/11/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2422X505 | LÊ MỘNG NGHI           | ET2422X3 | 01/03/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2522X202 | LÊ THÚY DUY            | EC2522X1 | 18/03/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2522X203 | TRẦN VĂN KHÁNH DƯƠNG   | EC2522X1 | 22/11/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2522X207 | HUỲNH MAI YẾN LINH     | EC2522X1 | 15/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2522X210 | TRẦN NGUYỄN NGỌC NGÂN  | EC2522X1 | 08/11/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2522X215 | NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH  | EC2522X1 | 29/09/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2522X216 | NGUYỄN THỊ HỒNG SƯƠNG  | EC2522X1 | 16/07/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2522X220 | CAO VĂN THIÊN          | EC2522X1 | 20/10/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2522X222 | NGUYỄN NGỌC THỦY TRANG | EC2522X1 | 26/08/2002 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 16 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Kế toán hợp nhất kinh doanh**

Mã học phần: **KT454**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **000558 - Trần Quốc Dũng**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **13g20**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **EC2420X3**

Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                   | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | DC2320X303 | NGUYỄN ANH THƯ              | EP2420X2 | 28/06/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 2   | DC2420X031 | HUỖNH NHẬT THANH HUY        | EP2420X2 | 29/09/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 3   | DC2420X047 | BÙI CÁT XUÂN ĐÀO            | EP2420X2 | 04/03/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 4   | DC2420X048 | LÊ VŨ HOÀNG MY              | EP2420X2 | 26/09/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 5   | DC2420X144 | NGUYỄN HOÀNG NHẬT<br>PHƯƠNG | ET2420X2 | 17/08/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 6   | DC2420X170 | LƯƠNG NGUYỄN THUY<br>DƯƠNG  | ET2420X2 | 18/11/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 7   | DC2420X389 | LÊ CHÍ BẢO                  | ED2420X2 | 08/12/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 8   | DC2420X392 | NGUYỄN VĂN ĐỨC              | ED2420X2 | 27/05/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 9   | DC2420X420 | TRẦN KIM YẾN                | ED2420X2 | 19/10/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 10  | DC2420X424 | NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC        | ED2420X2 | 29/04/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 11  | DC2420X709 | DƯƠNG THỊ MỸ DUYÊN          | EC2420X3 | 28/04/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 12  | DC2420X710 | NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN         | EC2420X3 | 20/12/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 13  | DC2420X712 | ĐINH TIẾN ĐỨC               | EC2420X3 | 28/04/1991 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 14  | DC2420X719 | NGUYỄN THANH NGHIỆP         | EC2420X3 | 23/12/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 15  | DC2420X737 | NGUYỄN THU THẢO             | EC2420X3 | 12/06/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |

Tổng số: 15 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Di truyền học đại cương

Mã học phần: NN126E

Nhóm: 3E01

CBGD: 002943 - Châu Thanh Nhã

Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 13g20

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: EP2573X3

Phòng thi: 103

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên          | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2573X164 | TRẦN THANH TÂM     | ED2573X3 | 14/07/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2573X171 | NGUYỄN SĨ HIỆP     | ED2573X3 | 16/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2573X175 | VÕ BÍCH THUẬN      | ED2573X3 | 25/11/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2573X177 | LÊ THỊ THỦY TRANG  | ED2573X3 | 22/04/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2573X178 | VÕ KẾ TRUYỀN       | ED2573X3 | 02/08/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 6   | DC2573X182 | NGUYỄN THÀNH NHÃ   | ET2573X3 | 01/01/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2573X183 | TRẦN VÕ THUẬN PHÁT | ET2573X3 | 21/08/2007 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2573X191 | HUỲNH TUẤN THÀNH   | EP2573X3 | 31/07/2005 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 8 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Chăn nuôi chó, mèo  
CBGD: 002137 - Nguyễn Thị Kim Khang  
Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 13g20  
Lớp: ED2567X2

Mã học phần: NN310  
Số tín chỉ: 2  
Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)  
Phòng thi: 101

Nhóm: 3E01

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2567X410 | NGUYỄN THỊ NGỌC THU | EP2567X2 | 02/08/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2567X501 | NGUYỄN XUÂN VINH    | ET2567X2 | 18/10/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2567X605 | DƯƠNG THANH THÚY    | EC2567X2 | 09/05/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2567X623 | NGUYỄN NGỌC TRANG   | EC2567X2 | 15/04/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2567X707 | ĐINH THỊ NGỌC HIỆP  | ED2567X2 | 12/07/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2567X715 | PHẠM HỮU TÂM        | ED2567X2 | 02/10/1985 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 6 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Phòng trừ sinh học bệnh cây trồng**

Mã học phần: **NN429**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **002951 - Đoàn Thị Kiều Tiên**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **13g20**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **EP2473X3**

Phòng thi: **101**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên         | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2473X402 | LÊ ANH KIỆT       | EP2473X3 | 21/07/1999 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC2473X406 | NGUYỄN QUỐC TRẠNG | EP2473X3 | 27/11/1987 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 2 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Côn trùng đại cương  
CBGD: 002143 - Lê Văn Vàng  
Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 13g20  
Lớp: ET2673X1

Mã học phần: NS098  
Số tín chỉ: 2  
Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)  
Phòng thi: 104

Nhóm: 3E01

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2673X002 | NGUYỄN VĂN BIẾT       | ET2673X1 | 22/11/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2673X004 | LÝ ĐỨC                | ET2673X1 | 20/02/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2673X008 | ĐỖ TRUNG HẬU          | ET2673X1 | 23/01/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2673X009 | NGUYỄN THỊ MINH HIẾU  | ET2673X1 | 18/06/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2673X019 | NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG | ET2673X1 | 01/01/1993 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 5 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Mô học động vật**  
CBGD: **002294 - Châu Thị Huyền Trang**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **13g20**  
Lớp: **ED2467X1**

Mã học phần: **NS320E** Nhóm: **3E01**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **108**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | DC2467X101 | LÊ THỊ PHƯƠNG BÌNH  | ET2467X1 | 02/09/1984 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 2   | DC2467X105 | VÕ MINH DUY         | ET2467X1 | 23/04/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 3   | DC2467X306 | ĐỖ THỊ NGỌC HÂN     | ED2467X1 | 01/01/1987 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 4   | VL2467X319 | NGUYỄN THỊ BẢO TRẦN | ED2467X1 | 22/02/1989 |                   |                    |                    |              |            |        |

Tổng số: 4 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi



DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Các hệ thống tổ chức và truy cập thông tin Mã học phần: TV109E Nhóm: 3E01  
CBGD: 001824 - Lý Thành Lũy Số tín chỉ: 3  
Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 13g20 Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)  
Lớp: EC2580X2 Phòng thi: 104

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên       | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | DC2580X515 | LÊ THỊ HỒNG YẾN | EC2580X2 | 09/05/1991 |                   |                    |                    |              |            |        |

Tổng số: 1 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Anh văn căn bản 1 (\*)**

Mã học phần: **XH023**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **002487 - Lý Thị Ánh Tuyết**

Số tín chỉ: **4**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **13g20**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **EP2220X1**

Phòng thi: **104**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | CT2432X026 | HUỖNH THANH ĐẠI      | EP2432X1 | 20/08/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2322X025 | NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN   | EP2322X1 | 01/01/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2420X002 | NGUYỄN THỊ THÚY LOAN | EP2420X1 | 17/12/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2420X003 | NGUYỄN HOÀNG OANH    | EP2420X1 | 13/03/2004 |             |              |              |           | CT      |        |
| 5   | DC2420X020 | PHẠM KIỀU DIỄM       | EP2420X1 | 15/02/1991 |             |              |              |           | CT      |        |
| 6   | DC2422X056 | LÊ HUỖNH NGỌC HÂN    | EP2422X2 | 17/09/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2422X066 | NGUYỄN NGỌC QUẾ TRẦN | EP2422X2 | 03/04/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2422X073 | NGUYỄN VĂN TRÚC      | EP2422X2 | 11/12/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2422X081 | NGUYỄN HỒNG LOAN     | EP2422X2 | 01/03/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2422X088 | ĐẶNG NGỌC TRÂM       | EP2422X2 | 09/06/2002 |             |              |              |           | CT      |        |
| 11  | DC2422X095 | TRẦN THỊ THUỖ MỸ     | EP2422X2 | 18/10/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2422X097 | NGUYỄN HỒNG THẢO     | EP2422X2 | 04/10/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2432X037 | ÂU GIA BỬU           | EP2432X1 | 29/09/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2432X125 | PHAN PHÚC HẬU        | EP2432X1 | 27/08/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2432X157 | DƯƠNG TỬ THIÊN       | EP2432X2 | 17/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | KT2220X015 | HÀ KIM NGÂN          | EP2220X1 | 15/06/2002 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 16 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Quy hoạch công nghiệp**  
CBGD: **002347 - Nguyễn Hồng Phúc**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **14g45**  
Lớp: **ED24D5X1**

Mã học phần: **KC428** Nhóm: **3E01**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **103**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên         | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC24D5X013 | TRẦN THỊ ANH THU' | EP24D5X1 | 08/06/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC24D5X302 | LÊ THÀNH ĐẠT      | ED24D5X1 | 19/01/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC24D5X306 | ĐINH ĐIỀU HOA     | ED24D5X1 | 04/10/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC24D5X308 | NGUYỄN MINH HUẤN  | ED24D5X1 | 01/02/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC24D5X310 | LÝ THỊ MỸ LAN     | ED24D5X1 | 20/07/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC24D5X316 | NGUYỄN DUY THỨC   | ED24D5X1 | 13/08/1996 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 6 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Luật lao động

Mã học phần: KL123

Nhóm: 3E01

CBGD: 002562 - Võ Thị Bảo Trâm

Số tín chỉ: 3

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 14g45

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: ED2532X3

Phòng thi: 101

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | DC2332X012 | NGUYỄN VĂN KHA         | ET2332X1 | 25/02/1989 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 2   | DC2532X847 | HỒNG THỊ MỸ NHIÊN      | ED2532X3 | 01/01/1987 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 3   | DC2532X850 | NGUYỄN NGỌC YẾN        | ED2532X3 | 12/02/1998 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 4   | DC2532X851 | LÊ NGUYỄN QUỐC LÂM     | ED2532X3 | 30/06/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 5   | DC2532X853 | LÊ THỊ TUYẾT NHUNG     | ED2532X3 | 01/01/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 6   | DC2532X854 | PHAN KIỀU TRANG        | ED2532X3 | 26/10/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 7   | DC2532X855 | NGUYỄN LÝ BẢO TRÂN     | ED2532X3 | 20/12/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 8   | DC2532X857 | NGUYỄN PHẠM THÁI BÌNH  | ED2532X3 | 16/02/1979 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 9   | DC2532X858 | NGUYỄN TRÍ CƯỜNG       | ED2532X3 | 24/01/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 10  | DC2532X861 | NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN    | ED2532X3 | 05/09/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 11  | DC2532X864 | PHAN TIẾN ĐẠT          | ED2532X3 | 17/08/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 12  | DC2532X870 | LÂM VĂN MỆNH           | ED2532X3 | 25/07/1981 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 13  | DC2532X871 | LÊ VĂN MỪNG            | ED2532X3 | 15/05/1981 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 14  | DC2532X875 | CHUNG KHIẾT NHI        | ED2532X3 | 06/09/1995 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 15  | DC2532X877 | TRẦN CHÂU TRỌNG PHÚ    | ED2532X3 | 23/09/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 16  | DC2532X880 | ĐƯƠNG THỊ THANH THẢO   | ED2532X3 | 02/02/1982 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 17  | DC2532X881 | PHẠM THỊ THANH THẢO    | ED2532X3 | 01/08/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 18  | DC2532X882 | ĐINH QUYẾT THẮNG       | ED2532X3 | 17/12/1988 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 19  | DC2532X885 | LÊ THỊ MINH THƯƠNG     | ED2532X3 | 13/10/1980 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 20  | DC2532X886 | HỨA THỦY TIÊN          | ED2532X3 | 02/03/1983 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 21  | DC2532X887 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TIÊN | ED2532X3 | 20/11/1995 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 22  | DC2532X889 | NGUYỄN MINH TRÍ        | ED2532X3 | 06/03/1987 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 23  | DC2532X894 | ĐẶNG XUÂN YẾN          | ED2532X3 | 15/09/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 24  | DC2532X895 | HUỲNH THỊ TRÚC CHI     | ET2532X3 | 06/09/1988 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 25  | DC2532X908 | NGUYỄN TUẤN KIỆT       | EP2532X3 | 19/10/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 26  | DC2532X913 | LỮ HÀ HẠNH NGUYỄN      | EP2532X3 | 17/10/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 27  | DT2532X931 | LỮ THANH PHONG         | ED2532X3 | 10/05/1995 |                   |                    |                    |              |            |        |

*Tổng số: 27 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Pháp luật về thanh tra đất đai**

Mã học phần: **KL423E**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **002289 - Nguyễn Nam Phương**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **14g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED2432X2**

Phòng thi: **104**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | CM2432X653 | LÊ THỊ TÚ YÊN         | ED2432X2 | 25/05/1986 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC2432X157 | DƯƠNG TỬ THIÊN        | EP2432X2 | 17/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2432X164 | DƯƠNG CÔNG ĐÌNH       | EP2432X2 | 20/10/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2432X186 | PHẠM QUANG NHẬT       | EP2432X2 | 11/04/1999 |             |              |              |           | CT      |        |
| 5   | DC2432X188 | PHẠM LÊ TÀI           | EP2432X2 | 30/10/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2432X479 | NGUYỄN KHÁNH DUY      | ED2432X2 | 04/09/1986 |             |              |              |           | CT      |        |
| 7   | DC2432X491 | NGUYỄN TRUNG HIẾU     | ED2432X2 | 03/02/1981 |             |              |              |           | CT      |        |
| 8   | DC2432X493 | HÀ MINH QUANG HUY     | ED2432X2 | 25/09/1980 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2432X502 | NGUYỄN HỒNG LOAN      | ED2432X2 | 12/12/1980 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2432X504 | CAO NGỌC KIM LÝ       | ED2432X2 | 18/09/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2432X509 | TẠ MINH NGHĨA         | ED2432X2 | 01/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2432X515 | MAI DUY PHÁT          | ED2432X2 | 13/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2432X530 | LÊ THUY NGỌC TRÚC     | ED2432X2 | 01/07/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2432X531 | NGUYỄN THỊ HUỲNH TRÚC | ED2432X2 | 11/04/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2432X545 | LÊ KIM ĐÌNH           | ED2432X2 | 28/08/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 16  | DC2432X570 | TRẦN HOÀNG MINH       | ED2432X2 | 18/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2432X571 | LÊ THỊ THUY NGÂN      | ED2432X2 | 05/09/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2432X580 | NGUYỄN HUỲNH NHƯ      | ED2432X2 | 13/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2432X581 | NGUYỄN HÀ TẤN PHÁT    | ED2432X2 | 31/10/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 20  | DC2432X595 | PHẠM THỊ THƠ          | ED2432X2 | 06/07/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2432X604 | VÕ NGỌC TIỀN          | ED2432X2 | 19/03/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2432X607 | LÊ BẢO TRẦN           | ED2432X2 | 03/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC2432X611 | DƯƠNG THANH TÙNG      | ED2432X2 | 14/12/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC2432X632 | TRẦN TUẤN KHANH       | ED2432X2 | 16/01/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 25  | DC2432X634 | NGUYỄN THỊ YẾN LINH   | ED2432X2 | 25/11/1993 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 25 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Quản trị học**  
CBGD: **002999 - Tất Duyệt Thư**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **14g45**  
Lớp: **ED26D5X1**

Mã học phần: **KT103**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **108**

Nhóm: **3E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2422X733 | CAO PHƯƠNG UYÊN        | ED2422X3 | 07/09/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2521X360 | TRẦN HỮU HÒA           | ED2521X3 | 18/06/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2521X363 | TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ     | ED2521X3 | 24/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2521X366 | TRẦN MINH THÁI         | ED2521X3 | 27/03/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2522X757 | PHẠM VĂN VŨ LINH       | ET2522X3 | 19/02/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2522X759 | PHAN THỊ KIỀU OANH     | ET2522X3 | 19/06/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2522X774 | NGUYỄN THANH BÌNH      | ED2522X3 | 25/07/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2522X775 | NGUYỄN HOÀNG HẢI       | ED2522X3 | 22/03/2001 |             |              |              |           | CT      |        |
| 9   | DC2522X778 | HUỲNH QUYỄN NHI        | ED2522X3 | 16/04/1997 |             |              |              |           | CT      |        |
| 10  | DC2522X787 | NGUYỄN GIA BẢO         | EP2522X3 | 19/10/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2522X792 | TRẦN TUẤN HUY          | EP2522X3 | 02/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2522X796 | ĐỖ THỊ DIỄM LY         | EP2522X3 | 01/02/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2522X797 | NGUYỄN THỊ MƠ          | EP2522X3 | 01/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2522X798 | NGUYỄN THỊ THẢO NGUYÊN | EP2522X3 | 02/11/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2522X799 | PHẠM YẾN NHI           | EP2522X3 | 01/05/2007 |             |              |              |           | CT      |        |
| 16  | DC26D5X003 | NGUYỄN TUẤN KIẾT       | ED26D5X1 | 06/03/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC26D5X004 | HUỲNH THỊ NGỌC LIÊN    | ED26D5X1 | 13/07/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC26D5X006 | LÊ VÕ TRUNG NGUYỄN     | ED26D5X1 | 21/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC26D5X007 | KHƯƠNG HOÀNG PHÚC      | ED26D5X1 | 27/12/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC26D5X009 | NGUYỄN QUỐC THẮNG      | ED26D5X1 | 22/05/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC26D5X011 | NGUYỄN KIỀU TRANG      | ED26D5X1 | 18/12/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC26D5X024 | NGUYỄN HỒNG TƯƠI       | ED26D5X1 | 04/01/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC26D5X029 | PHẠM NGỌC VIỄN         | ED26D5X1 | 17/04/1994 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 23 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Phương pháp nghiên cứu trong Kế toán - Kiểm toán

Mã học phần: KT126

Nhóm: 3E01

CBGD: 001539 - Lê Phước Hương

Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 14g45

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: EC2520X1

Phòng thi: 104

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên       | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2520X217 | HỒ THỊ CẨM TIÊN | EC2520X1 | 31/08/1992 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 1 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi



DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Dự báo kinh tế  
CBGD: 001632 - Hứa Thanh Xuân  
Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 14g45  
Lớp: EC2522X1

Mã học phần: KT420E Nhóm: 3E01

Số tín chỉ: 3  
Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)  
Phòng thi: 108

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                 | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | CT2522X208 | TRẦN THỊ TRÚC LINH        | EC2522X1 | 21/01/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 2   | CT2522X219 | THÁI HẢI THANH            | EC2522X1 | 27/02/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 3   | DC2222X128 | PHẠM MAI HUỲNH TRÂN       | EC2222X1 | 15/06/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 4   | DC2422X414 | NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG      | EP2422X3 | 16/07/1995 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 5   | DC2521X218 | LÊ TRẦN MINH THIÊN        | EC2521X1 | 28/09/1998 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 6   | DC2522X202 | LÊ THỦY DUY               | EC2522X1 | 18/03/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 7   | DC2522X203 | TRẦN VĂN KHÁNH DƯƠNG      | EC2522X1 | 22/11/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 8   | DC2522X207 | HUỲNH MAI YẾN LINH        | EC2522X1 | 15/09/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 9   | DC2522X210 | TRẦN NGUYỄN NGỌC NGÂN     | EC2522X1 | 08/11/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 10  | DC2522X215 | NGUYỄN NGỌC NHƯ<br>QUỲNH  | EC2522X1 | 29/09/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 11  | DC2522X216 | NGUYỄN THỊ HỒNG SƯƠNG     | EC2522X1 | 16/07/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 12  | DC2522X220 | CAO VĂN THIÊN             | EC2522X1 | 20/10/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 13  | DC2522X222 | NGUYỄN NGỌC THUY<br>TRANG | EC2522X1 | 26/08/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |

Tổng số: 13 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Phân tích báo cáo tài chính khu vực công** Mã học phần: **KT464E** Nhóm: **3E01**  
CBGD: **001047 - Nguyễn Hữu Đăng** Số tín chỉ: **2**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **14g45** Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Lớp: **EC2420X3** Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2320X303 | NGUYỄN ANH THƯ           | EP2420X2 | 28/06/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2320X414 | LƯU THANH THÚY AN        | ET2320X2 | 19/02/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2420X031 | HUỖNH NHẬT THANH HUY     | EP2420X2 | 29/09/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2420X047 | BÙI CÁT XUÂN ĐÀO         | EP2420X2 | 04/03/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2420X048 | LÊ VŨ HOÀNG MY           | EP2420X2 | 26/09/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2420X144 | NGUYỄN HOÀNG NHẬT PHƯƠNG | ET2420X2 | 17/08/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2420X170 | LƯƠNG NGUYỄN THÙY DƯƠNG  | ET2420X2 | 18/11/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2420X389 | LÊ CHÍ BẢO               | ED2420X2 | 08/12/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2420X392 | NGUYỄN VĂN ĐỨC           | ED2420X2 | 27/05/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2420X420 | TRẦN KIM YẾN             | ED2420X2 | 19/10/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2420X424 | NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC     | ED2420X2 | 29/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2420X709 | ĐƯƠNG THỊ MỸ DUYÊN       | EC2420X3 | 28/04/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2420X710 | NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN      | EC2420X3 | 20/12/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2420X712 | ĐINH TIẾN ĐỨC            | EC2420X3 | 28/04/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2420X719 | NGUYỄN THANH NGHIỆP      | EC2420X3 | 23/12/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2420X737 | NGUYỄN THU THẢO          | EC2420X3 | 12/06/1999 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 16 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Sinh hóa B

Mã học phần: NN123

Nhóm: 3E01

CBGD: 002419 - Nguyễn Văn Ấy

Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 14g45

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: ET2673X1

Phòng thi: 104

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2673X004 | LÝ ĐỨC               | ET2673X1 | 20/02/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2673X008 | ĐỖ TRUNG HẬU         | ET2673X1 | 23/01/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2673X009 | NGUYỄN THỊ MINH HIẾU | ET2673X1 | 18/06/1987 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 3 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Sinh lý thực vật B  
CBGD: 002358 - Phạm Thị Phương Thảo  
Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 14g45  
Lớp: ET2573X3

Mã học phần: NN129  
Số tín chỉ: 2  
Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)  
Phòng thi: 103

Nhóm: 3E01

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên          | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2573X164 | TRẦN THANH TÂM     | ED2573X3 | 14/07/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2573X171 | NGUYỄN SĨ HIỆP     | ED2573X3 | 16/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2573X175 | VÕ BÍCH THUẬN      | ED2573X3 | 25/11/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2573X177 | LÊ THỊ THỦY TRANG  | ED2573X3 | 22/04/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2573X178 | VÕ KẾ TRUYỀN       | ED2573X3 | 02/08/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 6   | DC2573X182 | NGUYỄN THÀNH NHÃ   | ET2573X3 | 01/01/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2573X183 | TRẦN VÕ THUẬN PHÁT | ET2573X3 | 21/08/2007 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 7 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Độc chất học thú y**  
CBGD: **002796 - Nguyễn Khánh Thuận**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **14g45**  
Lớp: **ED2567X2**

Mã học phần: **NN341**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **101**

Nhóm: **3E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2467X304 | NGUYỄN PHỦ DU       | ED2467X1 | 13/07/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2467X306 | ĐỖ THỊ NGỌC HÂN     | ED2467X1 | 01/01/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2567X410 | NGUYỄN THỊ NGỌC THU | EP2567X2 | 02/08/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2567X501 | NGUYỄN XUÂN VINH    | ET2567X2 | 18/10/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2567X605 | DƯƠNG THANH THÚY    | EC2567X2 | 09/05/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2567X623 | NGUYỄN NGỌC TRANG   | EC2567X2 | 15/04/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2567X707 | ĐINH THỊ NGỌC HIỆP  | ED2567X2 | 12/07/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2567X715 | PHẠM HỮU TÂM        | ED2567X2 | 02/10/1985 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 8 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Bệnh sau thu hoạch

Mã học phần: NN434

Nhóm: 3E01

CBGD: 002081 - Lê Thị Ngọc Xuân

Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 14g45

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: EP2473X3

Phòng thi: 104

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên         | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2473X402 | LÊ ANH KIẾT       | EP2473X3 | 21/07/1999 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC2473X406 | NGUYỄN QUỐC TRẠNG | EP2473X3 | 27/11/1987 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 2 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Công nghệ và các hệ thống thông tin

Mã học phần: TV104E

Nhóm: 3E01

CBGD: 001826 - Lâm Thị Hương Duyên

Số tín chỉ: 3

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 14g45

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: ED2580X3

Phòng thi: 103

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2580X640 | LÊ ĐÌNH NAM          | ED2580X3 | 03/10/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2580X645 | TIÊU THỊ THẢO NGUYỄN | ED2580X3 | 01/01/1996 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 2 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Anh văn chuyên ngành Thông tin - Thư viện 1** Mã học phần: **TV111** Nhóm: **3E01**  
CBGD: **001839 - Lê Ngọc Linh** Số tín chỉ: **3**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **14g45** Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Lớp: **EC2580X2** Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên       | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | DC2580X515 | LÊ THỊ HỒNG YẾN | EC2580X2 | 09/05/1991 |                   |                    |                    |              |            |        |

Tổng số: 1 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Anh văn căn bản 2 (\*)**  
CBGD: **002488 - Võ Thị Tuyết Hồng**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **14g45**  
Lớp: **EP2220X1**

Mã học phần: **XH024** Nhóm: **3E01**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **103**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | DC2232X605 | TỔNG HOÀNG KIÊN      | ET2232X3 | 26/10/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 2   | DC2367X006 | THẠCH SUÔNG SA NỐT   | EP2367X1 | 05/02/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 3   | DC2367X007 | VÕ ÁNH PHƯƠNG        | EP2367X1 | 04/04/1989 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 4   | DC2367X008 | PHẠM THANH TÙNG      | EP2367X1 | 08/10/1988 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 5   | DC2420X002 | NGUYỄN THỊ THÚY LOAN | EP2420X1 | 17/12/1999 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 6   | DC2420X003 | NGUYỄN HOÀNG OANH    | EP2420X1 | 13/03/2004 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 7   | DC2420X020 | PHẠM KIỀU DIỄM       | EP2420X1 | 15/02/1991 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 8   | DC2422X003 | TRẦN LÊ NHỰT ANH     | EP2422X1 | 28/06/2003 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 9   | DC2422X008 | NGUYỄN THỊ THÚY DUY  | EP2422X1 | 09/05/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 10  | DC2422X012 | NGUYỄN TRỌNG HIẾU    | EP2422X1 | 15/12/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 11  | DC2422X014 | PHÙNG THỊ KIM LIÊN   | EP2422X1 | 12/09/1979 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 12  | DC2422X023 | ĐUỜNG THỊ MINH THU   | EP2422X1 | 09/03/2005 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 13  | DC2422X028 | DANH NGUYỄN CẨM TÚ   | EP2422X1 | 24/03/2000 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 14  | DC2422X126 | TRẦN LÊ MINH THU     | ET2422X2 | 19/05/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 15  | DC25V7X107 | VÕ MINH LUÂN         | ET25V7X1 | 20/01/1993 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 16  | DC2667X004 | LÊ HOÀI KHƯƠNG       | ET2667X1 | 03/04/2006 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 17  | DC2667X005 | TRẦN CHÍ LÂM         | ET2667X1 | 18/05/2007 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 18  | KT2122X398 | PHAN VÕ THU PHƯƠNG   | EP2422X1 | 28/11/1997 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 19  | KT2220X015 | HÀ KIM NGÂN          | EP2220X1 | 15/06/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |

Tổng số: 19 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Dẫn luận ngôn ngữ - Anh văn**

Mã học phần: **XH383**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **700797 - Nguyễn Hồng Quý**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **14g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **EP25V1X2**

Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                  | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | BK25V1X155 | VÕ HOÀNG PHÁT              | EC25V1X2 | 09/09/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 2   | DC25V1X008 | TRẦN TỬ GIANG              | EP25V1X1 | 26/02/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 3   | DC25V1X009 | NGUYỄN KIM HẠNH            | EP25V1X1 | 09/03/2005 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 4   | DC25V1X030 | NGUYỄN NGỌC TRANG<br>THANH | EP25V1X1 | 13/11/1991 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 5   | DC25V1X031 | NGUYỄN TRỌNG TÍN           | EP25V1X1 | 02/07/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 6   | DC25V1X035 | LÊ THỊ HUYỀN TRÂN          | EP25V1X1 | 25/05/2005 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 7   | DC25V1X039 | LUU KIM KHÁNH              | EP25V1X1 | 01/09/2006 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 8   | DC25V1X105 | NGUYỄN HỮU ĐANG            | ET25V1X1 | 10/06/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 9   | DC25V1X123 | NGUYỄN THANH THÚY          | ET25V1X1 | 03/08/1998 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 10  | DC25V1X134 | LÊ THỊ MỘNG BÌNH           | EC25V1X2 | 19/09/1996 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 11  | DC25V1X139 | HUỲNH THỊ CẨM GIÀU         | EC25V1X2 | 26/02/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 12  | DC25V1X143 | NGUYỄN QUỐC LĨNH           | EC25V1X2 | 27/01/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 13  | DC25V1X144 | HÀ THỊ TRÚC MAI            | EC25V1X2 | 16/02/1989 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 14  | DC25V1X145 | LUU HÙNG MINH              | EC25V1X2 | 17/08/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 15  | DC25V1X154 | NGUYỄN VƯƠNG BÍCH<br>NHƯ   | EC25V1X2 | 16/01/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 16  | DC25V1X442 | NGUYỄN GIA HUY             | EP25V1X2 | 01/01/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |

*Tổng số: 16 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Dẫn luận ngôn ngữ - Anh văn**

Mã học phần: **XH383**

Nhóm: **3E02**

CBGD: **700797 - Nguyễn Hồng Quý**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **14g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED25V1X2**

Phòng thi: **106**

Trang 1/3

| Stt | MSSV       | Họ và tên               | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | CM25V1X441 | NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG NGHI | ED25V1X2 | 20/07/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC25V1X300 | PHẠM HUỲNH THU AN       | ED25V1X1 | 21/01/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC25V1X301 | KHUẤT THỊ TÚ ANH        | ED25V1X1 | 10/11/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC25V1X302 | NGUYỄN NGỌC KIM ANH     | ED25V1X1 | 17/10/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC25V1X303 | TRẦN NGỌC LAN ANH       | ED25V1X1 | 17/11/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC25V1X304 | LÊ HOÀNG ÂN             | ED25V1X1 | 07/02/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC25V1X305 | BÙI THẾ BẢO             | ED25V1X1 | 05/11/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC25V1X307 | PHẠM THỊ HỒNG CHÚC      | ED25V1X1 | 22/12/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC25V1X308 | PHẠM THỊ KIM CƯỜNG      | ED25V1X2 | 23/05/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC25V1X309 | NGUYỄN VĂN CUỒNG        | ED25V1X1 | 09/07/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC25V1X310 | CHÂU HỒNG DIỄM          | ED25V1X1 | 07/02/1995 |             |              |              |           | CT      |        |
| 12  | DC25V1X313 | LÊ HUỲNH KIM DƯƠNG      | ED25V1X1 | 18/08/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC25V1X315 | CÔ VĂN GẦN              | ED25V1X2 | 19/02/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC25V1X316 | LÝ A GIA                | ED25V1X2 | 22/11/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC25V1X319 | NGUYỄN THỊ NGUYỆT HẰNG  | ED25V1X2 | 02/03/1995 |             |              |              |           | CT      |        |
| 16  | DC25V1X323 | NGUYỄN VIỆT HIỆU        | ED25V1X1 | 08/12/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC25V1X326 | NGUYỄN ĐĂNG HUY         | ED25V1X1 | 29/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC25V1X327 | NGUYỄN THÁI HUY         | ED25V1X1 | 01/07/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC25V1X329 | NGUYỄN NGỌC HUYỀN       | ED25V1X1 | 01/12/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC25V1X333 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG        | ED25V1X1 | 17/05/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC25V1X334 | ĐỖ ĐỨC KHANG            | ED25V1X1 | 17/09/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC25V1X336 | NGUYỄN DUY KHÁNH        | ED25V1X1 | 04/10/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC25V1X338 | LÊ HUỲNH VŨ LIÊM        | ED25V1X1 | 08/05/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 24  | DC25V1X341 | LÊ THỊ HOÀNG MY         | ED25V1X1 | 12/10/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | DC25V1X342 | HOÀNG THỊ KIM NGÂN      | ED25V1X2 | 26/05/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 26  | DC25V1X343 | NGUYỄN NGỌC KIM NGÂN    | ED25V1X1 | 17/02/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 27  | DC25V1X344 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN     | ED25V1X1 | 27/09/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 28  | DC25V1X345 | CAO THỊ THỦY NGÂN       | ED25V1X2 | 23/04/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 29  | DC25V1X346 | ĐẶNG LƯU KHÁNH NGỌC     | ED25V1X1 | 14/12/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 30  | DC25V1X347 | TRẦN NGUYỄN YẾN NGỌC    | ED25V1X1 | 12/10/1997 |             |              |              |           | CT      |        |
| 31  | DC25V1X349 | NGUYỄN THỊ THANH NHÀN   | ED25V1X1 | 16/08/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 32  | DC25V1X350 | BÀNH DƯƠNG YẾN NHI      | ED25V1X2 | 16/07/1995 |             |              |              |           |         |        |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Dẫn luận ngôn ngữ - Anh văn**

Mã học phần: **XH383**

Nhóm: **3E02**

CBGD: **700797 - Nguyễn Hồng Quý**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **14g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED25V1X2**

Phòng thi: **106**

Trang 2/3

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 33  | DC25V1X355 | HUỖNH THỊ CẨM NHUNG   | ED25V1X2 | 28/09/1989 |             |              |              |           |         |        |
| 34  | DC25V1X356 | DƯ THỊ HUỖNH NHƯ      | ED25V1X1 | 30/11/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 35  | DC25V1X360 | NGUYỄN MINH PHƯƠNG    | ED25V1X1 | 27/11/1996 |             |              |              |           | CT      |        |
| 36  | DC25V1X361 | TIỀN NGUYỄN HẢI QUYÊN | ED25V1X1 | 28/10/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 37  | DC25V1X363 | KHUÔNG ANH TẤN        | ED25V1X1 | 26/11/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 38  | DC25V1X366 | NGÔ NGỌC THẢO         | ED25V1X1 | 21/06/1979 |             |              |              |           |         |        |
| 39  | DC25V1X371 | LÊ THANH THÚY         | ED25V1X1 | 11/06/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 40  | DC25V1X374 | MÃ NGỌC DIỄM TIỀN     | ED25V1X1 | 17/09/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 41  | DC25V1X380 | BÙI THỊ NGỌC TÚ       | ED25V1X1 | 25/04/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 42  | DC25V1X381 | LÊ CẨM TÚ             | ED25V1X1 | 27/04/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 43  | DC25V1X383 | NGUYỄN GIA THÔNG TUỆ  | ED25V1X1 | 15/12/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 44  | DC25V1X384 | TRẦN MỸ TUYỀN         | ED25V1X1 | 11/11/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 45  | DC25V1X385 | VÕ THỊ HỒNG TUYẾT     | ED25V1X2 | 19/09/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 46  | DC25V1X386 | ĐẶNG GIA UYÊN         | ED25V1X1 | 14/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 47  | DC25V1X391 | CHÂU HOÀNG THANH VY   | ED25V1X1 | 25/04/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 48  | DC25V1X400 | ĐẶNG NGUYỄN KIM ANH   | ED25V1X2 | 24/10/1996 |             |              |              |           | CT      |        |
| 49  | DC25V1X401 | TRƯỜNG QUỐC BẢO       | ED25V1X2 | 23/06/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 50  | DC25V1X402 | NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH  | ED25V1X2 | 25/07/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 51  | DC25V1X403 | VÕ VĂN BÌNH           | ED25V1X2 | 01/01/1975 |             |              |              |           |         |        |
| 52  | DC25V1X404 | NGUYỄN VĂN CƯỜNG      | ED25V1X2 | 24/07/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 53  | DC25V1X410 | NGUYỄN TRẦN TẤN ĐẠT   | ED25V1X2 | 04/10/1995 |             |              |              |           | CT      |        |
| 54  | DC25V1X416 | HUỖNH LÊ NHỰT HÀO     | ED25V1X2 | 01/01/1998 |             |              |              |           | CT      |        |
| 55  | DC25V1X422 | NGUYỄN HỒ HUY         | ED25V1X2 | 03/12/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 56  | DC25V1X424 | NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG  | ED25V1X2 | 17/05/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 57  | DC25V1X425 | HUỖNH BÁ KHẢI         | ED25V1X2 | 26/09/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 58  | DC25V1X426 | TRỊNH QUỐC KHÁNH      | ED25V1X2 | 01/06/1998 |             |              |              |           | CT      |        |
| 59  | DC25V1X431 | NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN  | ED25V1X2 | 30/08/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 60  | DC25V1X434 | ĐẶNG BẢO LỘC          | ED25V1X2 | 01/01/1979 |             |              |              |           |         |        |
| 61  | DC25V1X439 | NGUYỄN THỊ BẢO NGÂN   | ED25V1X2 | 05/06/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 62  | DC25V1X443 | NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC   | ED25V1X2 | 27/08/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 63  | DC25V1X445 | NGUYỄN THANH NHÀN     | ED25V1X2 | 19/07/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 64  | DC25V1X446 | TRƯỜNG NGỌC NHI       | ED25V1X2 | 26/05/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 65  | DC25V1X453 | CAO THỊ LAN PHƯƠNG    | ED25V1X1 | 19/10/1980 |             |              |              |           |         |        |
| 66  | DC25V1X456 | TRƯỜNG MINH QUÂN      | ED25V1X2 | 24/12/2000 |             |              |              |           |         |        |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Dẫn luận ngôn ngữ - Anh văn**

Mã học phần: **XH383**

Nhóm: **3E02**

CBGD: **700797 - Nguyễn Hồng Quý**

Số tín chỉ: **3**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **14g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED25V1X2**

Phòng thi: **106**

Trang 3/3

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 67  | DC25V1X457 | LÊ THỊ QUỲNH          | ED25V1X2 | 25/05/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 68  | DC25V1X458 | PHẠM THANH SANG       | ED25V1X2 | 02/12/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 69  | DC25V1X463 | PHAN VĂN TÀI          | ED25V1X2 | 10/10/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 70  | DC25V1X465 | TRẦN VĂN TẤN          | ED25V1X2 | 01/01/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 71  | DC25V1X466 | ĐINH THỊ KIM THANH    | ED25V1X2 | 10/09/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 72  | DC25V1X469 | LÊ PHƯỚC THỊNH        | ED25V1X2 | 06/01/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 73  | DC25V1X471 | NGUYỄN MINH THÙY      | ED25V1X2 | 24/07/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 74  | DC25V1X472 | PHAN THỊ KIM THÚY     | ED25V1X2 | 28/06/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 75  | DC25V1X475 | VÕ THỊ HỒNG THƯ       | ED25V1X2 | 05/12/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 76  | DC25V1X476 | NGUYỄN THỊ MỸ TIỀN    | ED25V1X2 | 20/10/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 77  | DC25V1X481 | LÊ THỊ NGỌC TRÂM      | ED25V1X2 | 13/12/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 78  | DC25V1X483 | NGUYỄN THỊ MAI TRINH  | ED25V1X2 | 11/01/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 79  | DC25V1X484 | TRẦN THỊ THANH TRÚC   | ED25V1X2 | 02/11/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 80  | DC25V1X485 | HUỲNH VĂN TRƯỜNG      | ED25V1X2 | 07/06/2001 |             |              |              |           | CT      |        |
| 81  | DC25V1X487 | VÕ QUỐC TUẤN          | ED25V1X2 | 11/03/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 82  | DC25V1X488 | NGUYỄN HUY TÙNG       | ED25V1X2 | 25/08/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 83  | DC25V1X489 | NGUYỄN VŨ PHƯƠNG UYÊN | ED25V1X2 | 26/01/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 84  | DC25V1X490 | NGUYỄN SĨ GIÁNG VÂN   | ED25V1X2 | 02/09/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 85  | DC25V1X491 | NGUYỄN VĂN VUI        | ED25V1X2 | 16/08/1986 |             |              |              |           |         |        |

*Tổng số: 85 thí sinh*

*Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT1:.....*

*Họ tên và chữ ký CBCT2:.....*

*Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....*

*Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi*

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Dẫn luận ngôn ngữ - Anh văn**

Mã học phần: **XH534E**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **700797 - Nguyễn Hồng Quý**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **14g45**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **EC25V1X3**

Phòng thi: **104**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên          | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | CM25V1X904 | CHÂU THỊ BÍCH TRÂM | EC25V1X3 | 31/05/2003 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 1 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Kinh tế kỹ thuật**  
CBGD: **002373 - Nguyễn Văn Cần**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **16g05**  
Lớp: **ED26D5X1**

Mã học phần: **CN542** Nhóm: **3E01**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **104**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | DC26D5X003 | NGUYỄN TUẤN KIẾT    | ED26D5X1 | 06/03/2005 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 2   | DC26D5X004 | HUỲNH THỊ NGỌC LIÊN | ED26D5X1 | 13/07/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 3   | DC26D5X006 | LÊ VÕ TRUNG NGUYỄN  | ED26D5X1 | 21/01/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 4   | DC26D5X007 | KHUƠNG HOÀNG PHÚC   | ED26D5X1 | 27/12/1998 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 5   | DC26D5X009 | NGUYỄN QUỐC THẮNG   | ED26D5X1 | 22/05/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 6   | DC26D5X011 | NGUYỄN KIỀU TRANG   | ED26D5X1 | 18/12/2005 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 7   | DC26D5X024 | NGUYỄN HỒNG TƯƠI    | ED26D5X1 | 04/01/1992 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 8   | DC26D5X029 | PHẠM NGỌC VIỄN      | ED26D5X1 | 17/04/1994 |                   |                    |                    |              |            |        |

Tổng số: 8 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Mạng máy tính**  
CBGD: **001588 - Nguyễn Trọng Nghĩa**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **16g05**  
Lớp: **EC25V7X2**

Mã học phần: **CT112**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **105**

Nhóm: **3E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC25V7X003 | MAI QUỐC ĐẠI        | EP25V7X1 | 16/10/1983 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC25V7X107 | VÕ MINH LUÂN        | ET25V7X1 | 20/01/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC25V7X301 | LÂM QUỐC ANH        | ED25V7X1 | 18/11/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC25V7X319 | CHAU KIM KHA        | ED25V7X1 | 02/02/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC25V7X321 | MAI ĐỒNG VĨNH KHANG | ED25V7X1 | 21/08/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC25V7X325 | NGUYỄN TÀI NGUYỄN   | ED25V7X1 | 11/05/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC25V7X331 | NGUYỄN PHƯƠNG QUANG | ED25V7X1 | 26/01/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC25V7X336 | PHẠM NGÂN TÂM       | ED25V7X1 | 11/07/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC25V7X343 | TRẦN ANH TUẤN       | ED25V7X1 | 29/10/1973 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC25V7X600 | HUỲNH TRƯỜNG AN     | EC25V7X2 | 28/10/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC25V7X601 | LÝ GIA BẢO          | EC25V7X2 | 02/03/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC25V7X611 | LÊ MINH HIỂU        | EC25V7X2 | 06/04/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC25V7X618 | PHẠM NGỌC MẠNH      | EC25V7X2 | 20/01/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC25V7X629 | ONG THANH TOÀN      | EC25V7X2 | 14/10/1997 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 14 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cắm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Lý thuyết đồ thị**  
CBGD: **001707 - Phạm Xuân Hiền**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **16g05**  
Lớp: **EC25V7X3**

Mã học phần: **CT175**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **105**

Nhóm: **3E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC25V7X403 | NGUYỄN KHÁNH DUY    | EP25V7X2 | 19/03/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC25V7X404 | DƯƠNG PHÁT ĐẠT      | EP25V7X2 | 25/06/2007 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC25V7X406 | TRƯƠNG GIỮ KIẾN     | EP25V7X2 | 07/02/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC25V7X417 | NGUYỄN THỊ THÚY VY  | EP25V7X2 | 02/11/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC25V7X418 | NGUYỄN THỊ MINH THU | EP25V7X2 | 20/03/2006 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC25V7X506 | LÊ THÀNH ĐẠT        | ET25V7X2 | 19/03/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC25V7X716 | CHÂU PHÚC HẬU       | ED25V7X2 | 25/06/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC25V7X723 | LÂM NGUYỄN KHUYẾN   | ED25V7X2 | 02/02/2001 |             |              |              |           | CT      |        |
| 9   | DC25V7X726 | TÔ THỊ XUÂN MAI     | ED25V7X2 | 08/09/1987 |             |              |              |           | CT      |        |
| 10  | DC25V7X728 | NGUYỄN NGỌC MINH    | ED25V7X2 | 29/01/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC25V7X744 | NGUYỄN NHẬT THU     | ED25V7X2 | 19/01/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC25V7X815 | NGUYỄN VĂN VIỄN     | EC25V7X3 | 25/02/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 13  | DC25V7X816 | NGUYỄN TẤN NHI      | EC25V7X3 | 10/03/2003 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 13 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Viết C1.2** Mã học phần: **FL262** Nhóm: **3E01**  
CBGD: **002808 - Phan Thị Tuyết Vân** Số tín chỉ: **2**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **16g05** Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Lớp: **EP24V1X3** Phòng thi: **104**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                    | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC23V1X508 | HUỖNH THẾ KÍNH               | EP23V1X2 | 23/01/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC23V1X515 | LÝ NGỌC NHƯ                  | EP23V1X2 | 15/06/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC23V1X615 | TRẦN NHẬT KHÁNH              | ET23V1X2 | 23/12/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC24V1X061 | NGUYỄN SONG PHƯƠNG           | EP24V1X2 | 08/12/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC24V1X949 | NGUYỄN ÁNH PHÚC              | EP24V1X3 | 19/01/2005 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC24V1X950 | NGUYỄN VIỆT TUYẾT QUỲN CHIÊU | EP24V1X3 | 16/06/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC24V1X952 | LÝ CHÂU GIA KHANG            | EP24V1X3 | 25/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC24V1X955 | PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG           | EP24V1X3 | 16/09/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC24V1X956 | VÕ HUỖNH ANH                 | EP24V1X3 | 28/02/2003 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 9 thí sinh  
Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....  
Họ tên và chữ ký CBCT1:.....  
Họ tên và chữ ký CBCT2:.....  
Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....  
Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Soạn thảo văn bản pháp luật**

Mã học phần: **KL114**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **001204 - Diệp Thành Nguyên**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **16g05**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED2532X3**

Phòng thi: **103**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2532X316 | NGUYỄN TIẾN ĐẠT        | ED2532X1 | 01/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2532X847 | HỒNG THỊ MỸ NHIÊN      | ED2532X3 | 01/01/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2532X850 | NGUYỄN NGỌC YẾN        | ED2532X3 | 12/02/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2532X858 | NGUYỄN TRÍ CƯỜNG       | ED2532X3 | 24/01/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2532X861 | NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN    | ED2532X3 | 05/09/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2532X870 | LÂM VĂN MỀNH           | ED2532X3 | 25/07/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2532X871 | LÊ VĂN MỪNG            | ED2532X3 | 15/05/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2532X875 | CHUNG KHIẾT NHI        | ED2532X3 | 06/09/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2532X877 | TRẦN CHÂU TRỌNG PHÚ    | ED2532X3 | 23/09/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2532X880 | DƯƠNG THỊ THANH THẢO   | ED2532X3 | 02/02/1982 |             |              |              |           | CT      |        |
| 11  | DC2532X881 | PHẠM THỊ THANH THẢO    | ED2532X3 | 01/08/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2532X882 | ĐINH QUYẾT THẮNG       | ED2532X3 | 17/12/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2532X885 | LÊ THỊ MINH THƯƠNG     | ED2532X3 | 13/10/1980 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2532X886 | HỨA THỦY TIÊN          | ED2532X3 | 02/03/1983 |             |              |              |           |         |        |
| 15  | DC2532X887 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TIÊN | ED2532X3 | 20/11/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2532X889 | NGUYỄN MINH TRÍ        | ED2532X3 | 06/03/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2532X894 | ĐẶNG XUÂN YẾN          | ED2532X3 | 15/09/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2532X895 | HUỲNH THỊ TRÚC CHI     | ET2532X3 | 06/09/1988 |             |              |              |           |         |        |
| 19  | DC2532X908 | NGUYỄN TUẤN KIẾT       | EP2532X3 | 19/10/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2532X913 | LỮ HÀ HẠNH NGUYỄN      | EP2532X3 | 17/10/1996 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DT2532X931 | LỮ THANH PHONG         | ED2532X3 | 10/05/1995 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 21 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Thuật ngữ pháp lý - tiếng Anh**

Mã học phần: **KL116**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **001696 - Nguyễn Lan Hương**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **16g05**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED2532X3**

Phòng thi: **101**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | CM2432X653 | LÊ THỊ TÚ YÊN         | ED2432X2 | 25/05/1986 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC2432X164 | DƯƠNG CÔNG ĐÌNH       | EP2432X2 | 20/10/1985 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2432X479 | NGUYỄN KHÁNH DUY      | ED2432X2 | 04/09/1986 |             |              |              |           | CT      |        |
| 4   | DC2432X490 | NGUYỄN HOÀNG HIỀN     | ED2432X2 | 22/11/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2432X491 | NGUYỄN TRUNG HIẾU     | ED2432X2 | 03/02/1981 |             |              |              |           | CT      |        |
| 6   | DC2432X493 | HÀ MINH QUANG HUY     | ED2432X2 | 25/09/1980 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2432X502 | NGUYỄN HỒNG LOAN      | ED2432X2 | 12/12/1980 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2432X504 | CAO NGỌC KIM LÝ       | ED2432X2 | 18/09/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2432X509 | TẠ MINH NGHĨA         | ED2432X2 | 01/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2432X515 | MAI DUY PHÁT          | ED2432X2 | 13/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2432X525 | VÕ THIÊN TIỀN         | ED2432X2 | 25/06/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2432X530 | LÊ THÙY NGỌC TRÚC     | ED2432X2 | 01/07/1995 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2432X531 | NGUYỄN THỊ HUỲNH TRÚC | ED2432X2 | 11/04/1986 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2432X545 | LÊ KIM ĐÌNH           | ED2432X2 | 28/08/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 15  | DC2432X570 | TRẦN HOÀNG MINH       | ED2432X2 | 18/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 16  | DC2432X571 | LÊ THỊ THÙY NGÂN      | ED2432X2 | 05/09/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 17  | DC2432X580 | NGUYỄN HUỲNH NHƯ      | ED2432X2 | 13/09/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 18  | DC2432X581 | NGUYỄN HÀ TẤN PHÁT    | ED2432X2 | 31/10/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 19  | DC2432X595 | PHẠM THỊ THƠ          | ED2432X2 | 06/07/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 20  | DC2432X604 | VÕ NGỌC TIỀN          | ED2432X2 | 19/03/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 21  | DC2432X607 | LÊ BẢO TRÂN           | ED2432X2 | 03/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 22  | DC2432X611 | DƯƠNG THANH TÙNG      | ED2432X2 | 14/12/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 23  | DC2432X632 | TRẦN TUẤN KHANH       | ED2432X2 | 16/01/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 24  | DC2432X634 | NGUYỄN THỊ YẾN LINH   | ED2432X2 | 25/11/1993 |             |              |              |           |         |        |
| 25  | DC2532X857 | NGUYỄN PHẠM THÁI BÌNH | ED2532X3 | 16/02/1979 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 25 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Marketing căn bản**  
CBGD: **002282 - Nguyễn Tri Nam Khang**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **16g05**  
Lớp: **EP2522X3**

Mã học phần: **KT104**  
Số tín chỉ: **3**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **108**

Nhóm: **3E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên              | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|------------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2521X360 | TRẦN HỮU HÒA           | ED2521X3 | 18/06/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2521X363 | TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ     | ED2521X3 | 24/02/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2521X366 | TRẦN MINH THÁI         | ED2521X3 | 27/03/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2522X757 | PHẠM VĂN VŨ LINH       | ET2522X3 | 19/02/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2522X759 | PHAN THỊ KIỀU OANH     | ET2522X3 | 19/06/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2522X774 | NGUYỄN THANH BÌNH      | ED2522X3 | 25/07/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2522X775 | NGUYỄN HOÀNG HẢI       | ED2522X3 | 22/03/2001 |             |              |              |           | CT      |        |
| 8   | DC2522X778 | HUỲNH QUYỄN NHI        | ED2522X3 | 16/04/1997 |             |              |              |           | CT      |        |
| 9   | DC2522X787 | NGUYỄN GIA BẢO         | EP2522X3 | 19/10/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2522X792 | TRẦN TUẤN HUY          | EP2522X3 | 02/07/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2522X796 | ĐỖ THỊ DIỄM LY         | EP2522X3 | 01/02/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2522X797 | NGUYỄN THỊ MƠ          | EP2522X3 | 01/01/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2522X798 | NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN | EP2522X3 | 02/11/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2522X799 | PHẠM YẾN NHI           | EP2522X3 | 01/05/2007 |             |              |              |           | CT      |        |

Tổng số: 14 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Kế toán và khai báo thuế**

Mã học phần: **KT375E**

Nhóm: **3E01**

CBGD: **002593 - Đinh Thị Ngọc Hương**

Số tín chỉ: **2**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **16g05**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Lớp: **ED2520X1**

Phòng thi: **105**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên         | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2520X217 | HỒ THỊ CẨM TIỀN   | EC2520X1 | 31/08/1992 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2520X310 | ĐƯỜNG THỊ MỸ LOAN | ED2520X1 | 01/03/1992 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 2 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Bệnh cây đại cương

Mã học phần: NN409

Nhóm: 3E01

CBGD: 002398 - Lê Minh Tường

Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 16g05

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: ET2673X1

Phòng thi: 101

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên             | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2673X002 | NGUYỄN VĂN BIẾT       | ET2673X1 | 22/11/2004 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2673X004 | LÝ ĐỨC                | ET2673X1 | 20/02/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2673X008 | ĐỖ TRUNG HẬU          | ET2673X1 | 23/01/1981 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2673X009 | NGUYỄN THỊ MINH HIẾU  | ET2673X1 | 18/06/1987 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2673X019 | NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG | ET2673X1 | 01/01/1993 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 5 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Sinh thái học trong Bảo vệ Thực vật** Mã học phần: **NS157E** Nhóm: **3E01**  
CBGD: **003103 - Phạm Nguyễn Anh Duy** Số tín chỉ: **2**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **16g05** Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Lớp: **EP2473X3** Phòng thi: **104**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên         | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2473X402 | LÊ ANH KIỆT       | EP2473X3 | 21/07/1999 |             |              |              |           | CT      |        |
| 2   | DC2473X406 | NGUYỄN QUỐC TRẠNG | EP2473X3 | 27/11/1987 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 2 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

**Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026**

Học phần/Nhóm: **Chẩn đoán thú y**

CBGD: **003106 - Huỳnh Tấn Lộc**

Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **16g05**

Lớp: **ED2567X2**

Mã học phần: **NS234**

Nhóm: **3E01**

Số tín chỉ: **3**

Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**

Phòng thi: **108**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên           | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|---------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2567X410 | NGUYỄN THỊ NGỌC THU | EP2567X2 | 02/08/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2567X501 | NGUYỄN XUÂN VINH    | ET2567X2 | 18/10/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2567X605 | DƯƠNG THANH THÚY    | EC2567X2 | 09/05/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2567X609 | TRẦN KIỀU MỸ        | EC2567X2 | 24/11/1997 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2567X612 | NGUYỄN NHẬT HÀO     | EC2567X2 | 10/01/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 6   | DC2567X613 | HUỲNH THỊ NGỌC HÂN  | EC2567X2 | 09/04/2000 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2567X614 | NGUYỄN HOÀNG KHẢ    | EC2567X2 | 23/09/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2567X617 | HỒNG HỮU NHÂN       | EC2567X2 | 16/06/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 9   | DC2567X623 | NGUYỄN NGỌC TRANG   | EC2567X2 | 15/04/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 10  | DC2567X624 | NGUYỄN THỊ KIM TRÚC | EC2567X2 | 08/09/1991 |             |              |              |           |         |        |
| 11  | DC2567X625 | NGUYỄN THỊ DUY UYÊN | EC2567X2 | 25/04/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 12  | DC2567X707 | ĐINH THỊ NGỌC HIỆP  | ED2567X2 | 12/07/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 13  | DC2567X714 | DƯƠNG VĂN SƠN       | ED2567X2 | 16/06/1984 |             |              |              |           |         |        |
| 14  | DC2567X715 | PHẠM HỮU TÂM        | ED2567X2 | 02/10/1985 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 14 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Côn trùng hại cây trồng 1

Mã học phần: NS301

Nhóm: 3E01

CBGD: 001948 - Phạm Kim Sơn

Số tín chỉ: 3

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 16g05

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: EP2573X3

Phòng thi: 103

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên          | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|--------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2573X164 | TRẦN THANH TÂM     | ED2573X3 | 14/07/1990 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2573X171 | NGUYỄN SĨ HIỆP     | ED2573X3 | 16/02/2001 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC2573X175 | VÕ BÍCH THUẬN      | ED2573X3 | 25/11/1999 |             |              |              |           |         |        |
| 4   | DC2573X177 | LÊ THỊ THỦY TRANG  | ED2573X3 | 22/04/1998 |             |              |              |           |         |        |
| 5   | DC2573X178 | VÕ KẾ TRUYỀN       | ED2573X3 | 02/08/2003 |             |              |              |           | CT      |        |
| 6   | DC2573X182 | NGUYỄN THÀNH NHÃ   | ET2573X3 | 01/01/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 7   | DC2573X183 | TRẦN VÕ THUẬN PHÁT | ET2573X3 | 21/08/2007 |             |              |              |           |         |        |
| 8   | DC2573X191 | HUỲNH TUẤN THÀNH   | EP2573X3 | 31/07/2005 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 8 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Ngữ pháp nâng cao**  
CBGD: **000201 - Huỳnh Trọng Nghĩa**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **16g05**  
Lớp: **ET25V1X2**

Mã học phần: **SG281E**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **104**

Nhóm: **3E01**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên                  | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số<br>tờ/Mã<br>đề | Điểm<br>giữa<br>kỳ | Điểm<br>cuối<br>kỳ | Điểm<br>tổng | Ghi<br>chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------------|----------|------------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------|------------|--------|
| 1   | CM25V1X904 | CHÂU THỊ BÍCH TRÂM         | EC25V1X3 | 31/05/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 2   | DC25V1X040 | VŨ TRẦN BÌNH               | EP25V1X2 | 06/03/2006 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 3   | DC25V1X043 | TRƯƠNG THỊ MỸ HUYỀN        | EP25V1X2 | 16/04/1999 |                   |                    |                    |              | CT         |        |
| 4   | DC25V1X044 | NGUYỄN GIA HƯNG            | EP25V1X2 | 24/07/2007 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 5   | DC25V1X048 | LÊ HOÀNG KHANG             | EP25V1X2 | 10/05/2005 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 6   | DC25V1X053 | CỦ THÀNH NGHĨA             | EP25V1X2 | 22/08/2006 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 7   | DC25V1X055 | THẠCH THỊ NGỌC NGUYỄN      | EP25V1X2 | 09/05/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 8   | DC25V1X062 | CHUNG NGỌC THẢO VY         | EP25V1X2 | 06/05/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 9   | DC25V1X264 | NGUYỄN THÚY AN             | ET25V1X2 | 22/07/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 10  | DC25V1X265 | TRẦN CAO KIM CƯỜNG         | ET25V1X2 | 22/03/2000 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 11  | DC25V1X266 | TRƯƠNG THỊ MỸ DUYỀN        | ET25V1X2 | 07/11/1991 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 12  | DC25V1X270 | TRẦN NHƯ NGỌC              | ET25V1X2 | 22/09/1984 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 13  | DC25V1X275 | NGUYỄN NGỌC GIANG<br>THANH | ET25V1X2 | 13/09/2002 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 14  | DC25V1X284 | TÔ THỊ HUYỀN TRANG         | ET25V1X2 | 09/12/2001 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 15  | DC25V1X442 | NGUYỄN GIA HUY             | EP25V1X2 | 01/01/2004 |                   |                    |                    |              |            |        |
| 16  | VT25V1X273 | NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH      | ET25V1X2 | 15/08/2003 |                   |                    |                    |              |            |        |

Tổng số: 16 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: **Ngữ pháp nâng cao**  
CBGD: **000201 - Huỳnh Trọng Nghĩa**  
Ngày thi: **16-08-2026** Ca thi: **16g05**  
Lớp: **ED25V1X7**

Mã học phần: **SG281E**  
Số tín chỉ: **2**  
Điểm thi: **Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)**  
Phòng thi: **108**

Nhóm: **3E03**

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên         | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC25V1X814 | BÙI THỊ MỸ HUYỀN  | ED25V1X6 | 08/12/1994 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC25V1X973 | HUỖNH VĂN TIẾN    | ED25V1X7 | 05/12/2003 |             |              |              |           |         |        |
| 3   | DC25V1X988 | NGUYỄN MINH THÔNG | ED25V1X7 | 31/03/1989 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 3 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Marketing trong thư viện và cơ quan thông tin Mã học phần: TV126 Nhóm: 3E01  
CBGD: 001838 - Nguyễn Thị Bích Ngọc Số tín chỉ: 3  
Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 16g05 Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)  
Lớp: EC2580X2 Phòng thi: 105

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên       | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|-----------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2580X515 | LÊ THỊ HỒNG YẾN | EC2580X2 | 09/05/1991 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 1 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ: III, năm học: 2025 - 2026

Học phần/Nhóm: Nguồn thông tin kinh tế

Mã học phần: TV128

Nhóm: 3E01

CBGD: 000809 - Nguyễn Huỳnh Mai

Số tín chỉ: 2

Ngày thi: 16-08-2026 Ca thi: 16g05

Điểm thi: Đại học Cần Thơ (Nhà học C1)

Lớp: ED2580X3

Phòng thi: 103

Trang 1/1

| Stt | MSSV       | Họ và tên            | Mã lớp   | Ngày sinh  | Số tờ/Mã đề | Điểm giữa kỳ | Điểm cuối kỳ | Điểm tổng | Ghi chú | Ký tên |
|-----|------------|----------------------|----------|------------|-------------|--------------|--------------|-----------|---------|--------|
| 1   | DC2580X640 | LÊ ĐÌNH NAM          | ED2580X3 | 03/10/2002 |             |              |              |           |         |        |
| 2   | DC2580X645 | TIÊU THỊ THẢO NGUYỄN | ED2580X3 | 01/01/1996 |             |              |              |           |         |        |

Tổng số: 2 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi:..... Số bài thi: ..... Số tờ:.....

Họ tên và chữ ký CBCT1:.....

Họ tên và chữ ký CBCT2:.....

Họ tên và chữ ký GV chấm thi:.....

Ghi chú: CT = "cấm thi" do đóng học phí trễ hạn. Sinh viên chứng minh đã đóng học phí thì được vào phòng thi